ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 779 /UBND –VH V/v góp ý dự thảo danh mục đặt tên đường thị xã Cửa Lò	*Cửa Lò, ngày 03 tháng 6 năm 2021*

Kính gửi: UBND các phường.

Thực hiện kế hoạch số 1457/SVHTT-QLDSVH ngày 03/6/2021 của Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Nghệ An về việc góp ý dự thảo danh mục đặt tên đường thị xã Cửa Lò (đợt 2).

Để hoàn thiện hồ sơ đặt tên đường thị xã Cửa Lò, trình UBND tỉnh và HĐND tỉnh xem xét quyết nghị

UBND thị xã yêu cầu UBND các phường:

1. Tiến hành lấy ý kiến của nhân dân về các tuyến đường dự kiến đặt tên trên địa bàn phường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo đài truyền thanh phường phát thông báo danh mục các tuyến đường dự kiến đặt tên trên địa bàn phường để xin ý kiến góp ý của quần chúng nhân dân.

(Có tài liệu dự kiến đặt tên các tuyến đường kèm theo công văn này)

Yêu cầu UBND các phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Kết quả gửi về UBND thị xã qua phòng Văn hóa và Thông tin thị xã (email phongvhttcualo@gmail.com) trước ngày 07/6/2021 để tổng hợp báo cáo Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận: - Như trên; - Chủ tịch, PCT UBND thị xã ; - Lưu:VT,VH.	**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT.CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Hoàng Văn Phúc**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

DANH MỤC

Các tuyến đường dự kiến đặt tên trên địa bàn thị xã Cửa Lò (Đợt 2)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2021/NQ-HĐND ngày ..../..../2020 của HĐND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
I	Phường Nghi Tân							
1	**Nguyễn Hội**	Đường Trại Bàng	Đinh Tiên Hoàng	650	15	15	Đ. Nhựa	Danh thần thời Lê
2	**Đinh Tiên Hoàng**	Đường Trại Bàng	Phạm Sư Mạnh	970	30	30	Đ. Nhựa	Vua lập nên triều đại nhà Đinh
3	**Dương Thúc Hạp**	Đinh Tiên Hoàng	Đường QH - 15m	590	12	12	Đ. Nhựa	Danh sĩ

								triều Nguyễn
4	**Phạm Sư Mạnh**	Đường Trại Bàng	Đinh Tiên Hoàng	650	30	30	Đ. Nhựa	Danh sĩ thời Trần
5	**Sơn Thủy**	Đường Vạn Lộc	Đường Trại Bàng	450	5-7	12	Đường bê tông	Địa danh
6	**Tân Lộc**	Đường Vạn Lộc	Đường Trại Bàng (bờ kè)	460	5-7	9	Đường bê tông	Địa danh
7	**Lê Hữu Trác**	Đường Nguyễn Huy Nhu	Hoàng Nguyên Cát	510	6	9	Đường bê tông	Danh y thời Nguyễn
II	**Phường Nghi Thủy**							
8	**Nguyễn Bá Lộc**	Đường Phạm Huy	đường Nguyễn Huệ	760	5-7	7	Đường bê tông	Danh tướng thời Tây Sơn
III	**Phường Nghi Thu - Phường Thu Thủy**							
9	**Lý Thái Tổ**	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Xí	2275	30	46	Đ. Nhựa	Vua triều nhà Lý
10	**Nguyễn Tài Cần**	Lý Thái Tổ	Đường QH - 12m	640	12	12	Đ. Nhựa	Nhà Khoa học
11	**Nguyễn Tri Phương**	Nguyễn Tài Cần	Đường QH - 12m	420	12	12	Đ. Nhựa	Danh tướng thời Nguyễn
12	**Phan Đình Giót**	Nguyễn Tài Cần	Đường QH - 12m	465	12	12	Đ. Nhựa	AHLLVT-Liệt sỹ
13	**Thái Bá Du**	Nguyễn Cảnh Quế	Đường QH – (ngõ đường Mai Thúc Loan)	460	10	10	Đường nhựa	Danh thần triều Lê
14	**Đội Cấn**	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	430	14	14	Đ. Nhựa	Thủ lĩnh khởi nghĩa
15	**Trần Cao Vân**	Đường nhựa -8m	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	660	10	10	Đ. Nhựa	Lãnh tụ chống

								Pháp ở Trung Kỳ
16	**Đặng Tử Kính**	Đường nhựa -8m	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	670	10	10	Đ. Nhựa	Chí sĩ yêu nước
17	**Tăng Hạt Hổ**	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	430	14	14	Đ. Nhựa	Chí sĩ yêu nước
18	**Nguyễn Phan Chánh**	Đường Hoáng Tá Thốn	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	790	7	10	Đ. Nhựa	Danh họa
19	**Vũ Trọng Phụng**	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	520	8	8	Đ. Nhựa	Nhà văn
20	**Chế Đình Thông**	Đường Lê Thánh Tông	Đường Nguyễn Đình Hồ	580	7	9	Đ. Nhựa	Danh nhân địa phương
21	**Lê Lưỡng Bạt**	Đường Phùng Phúc Kiều	Đ. Lan Châu (Khánh Hợp)	660	7	9	Đường bê tông	Danh thần thời Nguyễn
22	**Bàu Lối**	Đường Phùng Phúc kiều	Đ. Lan Châu (Khánh Hợp)	605	7		Đường bê tông	Địa danh
23	**Hoàng Khắc Dòng**	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Sư Hồi	520	10	10	Đường bê tông	Thần khai canh khai cơ
24	**Đặng Thùy Trâm**	Đường Sào Nam	Đường Lê Văn Miến	560	15	15	Đường bê tông	Liệt Sỹ
IV	**Phường Nghi Hương**							
25	**Lý Quốc Sư**	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Duy Trinh	680	7		bê tông-Cấp phối	Cao tăng
26	**Nguyễn Thị Xân**	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Hoàng Thị Lê	585	7	15	Đ. Nhựa	Chiến sỹ Cách mạng
27	**Nguyễn Trọng Đạt**	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Triệu Việt Vương	807	10.5	10.5	Đ. Nhựa	Danh tướng thời

								Lê
28	**Nguyễn Thiện Chương**	Đường Nguyễn Thúc Tự	Đường Nguyễn Đức Công	630	8	11		Danh sỹ thời Lê
29	**Bạch Đằng**	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Sinh Cung	1260	8		Đ. Nhựa	Địa danh-Sự kiện LS
30	**Nguyễn Trọng Thưởng**	Đường Nguyễn Thị Phúc	Đường Hoàng Đan	1400	7	15	Đ. Nhựa	Danh tướng thời Lê
31	**Nguyễn Thị Phúc**	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Nguyễn Duy Trinh	400	7		Đ. Nhựa	Chiến sỹ Cách mạng
32	**Nguyễn Hữu Chỉnh**	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Đỗ Bá Công Đạo	475	7		Đ. Nhựa	Danh tướng thời Lê – Tây Sơn
33	**Chi Lăng**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	350	10	12	Đ. Nhựa	Địa danh – sự kiện LS
34	**Tố Hữu**	Đường Lý Nam Đế	Đường Lý Nam Đế	1355	12	12	Đ. Nhựa	Nhà thơ
35	**Nguyễn Tài Tuyển**	Đường Nguyễn Sinh Cung	Nguyễn Tuân	750	10	15	Đ. Nhựa	Danh si thời Nguyễn
36	**Hồ Nguyên Trừng**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	410	7		Đ. Nhựa	Danh tướng thời nhà Hồ
37	**Nguyễn Tuân**	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	420	7		Đ. Nhựa	Nhà Văn
38	**Thế Lữ**	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	320	12	12	Đ. Nhựa	Nhà thơ
39	**Nguyễn Công Hoan**	Đường Bình Minh	Đường Nguyễn Huệ	635	27	27	Đ. Cấp Phối	Nhà văn
40	**Lưu Quang Vũ**	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	325	27	27	Đ. Cấp Phối	Nhà viết kịch
41	**Trịnh công sơn**	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	325	10	15	Đ. Cấp	Nhạc sĩ

							Phối	
42	**Điện Biên Phủ**	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Đường Lý Nam Đế	520	30	30	Đ Nhựa	Địa danh-sự kiện
43	**Hoàng Ngọc Phách**	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Đường Âu Cơ	445	12	12	Đ Nhựa	Nhà Văn
44	**Lê Phụng Hiểu**	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Đường Âu Cơ	445	12	12	Đ Nhựa	Danh tướng thời Lý
45	**Âu Cơ**	Đường Lạc Long Quân	Đường Tố Hữu	485	30	30	Nhựa - Cấp phối	Nhân vật truyền thuyết
46	**Lạc Long Quân**	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Lê Thánh Tông	855	30	30		Nhân vật truyền thuyết
47	**Hoàng Đình Cầu**	Đường Lê Thánh Tông	Trần Can	775	8		Đ Nhựa	Nhà khoa học
48	**Trần Can**	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Thánh Tông	800	8		Đ Nhựa	AHLLVT
V	**Phường Nghi Hòa**							
49	**Hoa Cúc Biển**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Lý Đạo Thành	430	7	9	Đ Nhựa	Danh từ
50	**Tiên Dung Công chúa**	Đường Lam Sơn	Đường Chử Đồng Tử	1280	7		Đ Nhựa	Nhân vật truyền thuyết
51	**Nguyễn Bính**	Đường Lý Đạo Thành	Đường Lê Chân	930	7		Đ Nhựa	Nhà thơ
52	**Lê Chân**	Đường Minh Mạng	Đường Hai Bà Trưng	1690	7	9	Đ Nhựa	Danh tướng thời Hai Bà Trưng

53	**Bà Huyện Thanh Quan**	Đường Hoàng Văn Cư	Đường Hai Bà Trưng	1520	7	36	Đ Nhựa	Nhà thơ
VI	**Phường Nghi Hải**							
54	**Phạm Thị Ngọc Dung**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	750	7	12	Đ Nhựa	Thần khai canh khai cơ
55	**Hòn Mắt**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đ. Phạm Thị Ngọc Dung	690	7	12	Đ Nhựa	Địa danh
56	**Lam Giang**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	710	9	12	Đ Nhựa	Danh từ
57	**Lộc Châu**	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	525	7	12	Đ Nhựa	Địa danh
58	**Lộc Hải**	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	455	7	12	Đ Nhựa	Địa danh
59	**Nguyễn Trọng Khang**	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	390	10	15	Đ Nhựa	Thần khai canh khai cơ
60	**Hải Giang**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	430	12	12	Đ Nhựa	Địa danh
61	**Song Hải**	Đường Phạm Nguyễn Du	Đ. Chữ Đồng Tử	830	7		Đ Nhựa	Địa danh

TỔNG: 61 TUYẾN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

UBND TỈNH NGHỆ AN
HĐTV ĐTĐ TX CỬA LÒ

CỘNGHOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ
ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ THỊ XÃ CỬA LÒ (ĐỢT 2)

CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG TIÊU CHÍ:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Qui hoạch thị xã Cửa Lò đã được phê duyệt.

- Kinh nghiệm việc đặt, đổi tên đường, phố của một số thành phố lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh... và hiện trạng tên đường, phố trên địa bàn Thị xã.

I. VỀ TÊN DANH NHÂN, SỰ KIỆN, ĐỊA DANH LỊCH SỬ ĐƯỢC XEM XÉT, LỰA CHỌN ĐỂ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ:

1.Tên danh nhân:

- Là những danh nhân tiêu biểu, những nhân vật lịch sử, văn hoá nổi tiếng, có đức, có tài, có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, quê hương, có công lớn trên các lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá- nghệ thuật, y tế, giáo dục, quốc phòng an ninh, ngoại giao và các ngành khoa học khác, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc; được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

- Những danh nhân ấy, nhân vật ấy đã được các thư tịch (sách lịch sử, sách từ điển nhân vật lịch sử của Quốc gia và Xứ Nghệ) ghi nhận và đã qua đời cách đây ít nhất là 5 năm.

- Ưu tiên danh nhân, nhân vật là người Nghệ An, thị xã Cửa Lò và huyện Nghi Lộc.

- Danh nhân nước ngoài phải là người có những đóng góp lớn hoặc có mối liên hệ đặc biệt với Thị xã Cửa Lò, với Nghệ An.

*. *Chia thành các nhóm cụ thể như sau:*

1.1. Danh nhân thuộc lĩnh vực chính trị, hoạt động xã hội: là những người giữ những vị trí trụ cột trong bộ máy nhà nước qua các thời kỳ lịch sử, có những đóng góp to lớn cho sự tồn vong và phát triển đất nước, là tấm gương sáng về đạo đức, được nhiều người ngưỡng mộ, biết đến.

Đối với danh nhân chính trị hoạt động ở Nghệ An: là những người đứng đầu tỉnh, thành phố qua các thời kỳ, ở những mốc thời gian có ý nghĩa, có những đóng góp to lớn, để lại những dấu ấn nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của thị xã Cửa Lò, của tỉnh Nghệ An; là tấm gương sáng về đạo đức, được nhiều người ngưỡng mộ, biết đến.

1.2. Danh nhân thuộc lĩnh vực Quân sự: là những Anh hùng dân tộc, những danh tướng, giữ những trọng trách quan trọng, những nhân vật có đóng góp nổi trội trong sự nghiệp bảo vệ và giải phóng dân tộc, các phong trào yêu nước trước 1945; hoặc là những anh hùng liệt sỹ được phong danh hiệu Anh hùng LLVTND có thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong công cuộc bảo vệ đất nước hiện nay; là tấm gương sáng về đạo đức, được nhiều người ngưỡng mộ, biết đến.

1.3. Danh nhân thuộc lĩnh vực kinh tế: là những người có công chiêu dân khai canh lập làng, phát triển kinh tế, tổ sư các ngành nghề truyền thống nổi tiếng; những người có đóng góp nổi trội trên lĩnh vực kinh tế được phong danh hiệu Anh hùng Lao động.

1.4. Danh nhân văn hoá: những nhà khoa bảng lớn có học hàm, học vị từ Phó bảng (trước 1945), hoặc PGS, Tiến sỹ tiêu biểu trên các lĩnh vực (sau 1945) trở lên; những nhà giáo, thầy thuốc, nghệ nhân, nghệ sỹ tiêu biểu... có nhiều cống hiến cho dân, cho nước, được nhiều người biết đến và tôn vinh;

Những nhà kiến trúc, hội hoạ, những nhà văn, nhà thơ... sáng tạo nên những công trình đặc sắc, để lại những tác phẩm đặc sắc về kiến trúc, hội hoạ, văn học, nghệ thuật; những nhà khoa học tiêu biểu có học hàm học vị, có những phát minh, cống hiến nổi bật trong các ngành khoa học được nhận các giải thưởng cao của quốc tế, quốc gia;

2. Tên những phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của đất nước, của Nghệ An, của thị xã Cửa Lò.

3. Tên những địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xưa đến nay, đã đi sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ

đặc biệt với Thị xã Cửa Lò; tên các nghề, làng nghề truyền thống tiêu biểu; tên một số di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng.

4. Tên những danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hoá, xã hội.

II. VỀ ĐƯỜNG, PHỐ:

1. Những đường đã được xây dựng theo Quy hoạch đô thị của thị xã Cửa Lò, được sử dụng ổn định với các loại đường như sau:

+ Đường nhóm 1: gồm đường Quốc lộ, liên thị xã, đường liên phường có lòng đường từ 15 m trở lên.

+ Đường nhóm 2: gồm các tuyến đường nội thị, liên khối lòng đường lòng đường 10m đến dưới 15m

+ Đường nhóm 3: gồm các tuyến đường nội khối: có quy mô lòng đường 6.0m đến dưới 10m.

2. Chiều dài của đường tối thiểu 350m.

3. Trường hợp đặc biệt không đủ kích thước về chiều rộng hoặc chiều dài; hoặc các tuyến đường trong khu đô thị có chiều rộng 15m trở lên nhưng không đủ kích thước chiều dài theo tiêu chí sẽ do HĐTV xem xét cụ thể.

4. Đường có bề rộng nhỏ hơn qui định ở trên, giao cắt với đường, phố có tên thì đặt ngõ, hẻm, kiệt, ngách.

III. VỀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN, SẮP XẾP:

1. Căn cứ vào qui mô của đường, phố để đặt tên cho xứng với tầm vóc của danh nhân, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa của danh từ, địa danh.

- Tên sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hoặc danh nhân, nhân vật tiêu biểu nhất trong số những người tiêu biểu nhất được đặt cho các đại lộ, các trục đường, phố chính ở khu trung tâm, tập trung đông dân cư. Qui mô đường rộng: từ 31m trở lên.

- Những sự kiện, danh từ, địa danh có ý nghĩa lớn; những danh nhân, nhân vật lớn, có tầm ảnh hưởng lớn, có những đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc và của quê hương được đặt tên cho những đường ở khu trung tâm có qui mô tương đối lớn: mặt đường rộng từ 20m - 30m.

- Những sự kiện, danh từ, địa danh có ý nghĩa tương đối lớn; những danh nhân, nhân vật có tầm ảnh hưởng tương đối lớn, có những đóng góp tương đối lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc và của quê hương có thể chọn đặt tên cho những đường có qui mô là: lòng đường rộng từ 10,5m - 20m.

- Những danh nhân, nhân vật có tầm ảnh hưởng vừa có thể chọn đặt tên cho những đường có qui mô là: lòng đường rộng từ 5m - 10m.

2. Không đặt tên đường, phố bằng các tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân trên địa bàn thị xã.

3. Tên sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hoặc danh nhân lớn nhưng qui mô đường chưa đủ tầm thì để dành cho đợt sau.

4. Sắp xếp theo nhóm loại hình, theo niên đại: những nhân vật có liên quan với nhau, có chung lĩnh vực hoạt động hoặc cùng thời đại thì tập trung ở một khu vực, vì thế mà trong một số trường hợp quy mô đường có thể không thật sự phù hợp, tương xứng với tầm cỡ danh nhân.

5. Ưu tiên đặt tên danh nhân cho đường trên địa bàn nơi sinh ra danh nhân đó hoặc có liên quan đến danh nhân đó.

6. Hạn chế việc thay đổi tên đường, trừ trường hợp thật cần thiết để tránh gây phiền phức, tốn kém về kinh phí của Nhà nước và của nhân dân./.

CHỦ TỊCH HĐTV
GIÁM ĐỐC SỞ VHTT

Trần Thị Mỹ Hạnh

UBND TỈNH NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG
THỊ XÃ CỬA LÒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng năm 2021

DANH MỤC
Các tuyến đường dự kiến đặt tên trên địa bàn thị xã Cửa Lò (đợt 2)
(Có lý lịch danh nhân, danh từ, địa danh)

TT (1)	Tên đường (2)	Trích ngang lý lịch danh nhân, sự kiện, địa danh (3)	Hiện trạng (4)	Điểm đầu (5)	Điểm cuối (6)	Chiều dài (m) (7)	Chiều rộng hiện trạng (m) (8)	Chiều rộng quy hoạch (m) (9)	Loại hình (10)
1.	**Nguyễn Hội**	Nguyễn Hội (TK XIV) Quê quán làng Cương Gián Nghi Xuân, Hà Tĩnh, sau đó di cư đến làng Thượng Xá, huyện Chân Phúc nay là xã Khánh Hợp, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Ông đã cùng với cha của mình là Nguyễn Hợp có công lớn trong việc khai dân lập ấp, mở mang trong đó có hai đồng muối lớn Thượng Xá và Yên Lương. Nguyễn Hội có 2 người con trai là Nguyễn Biện và Nguyễn Xí vừa là	Nhựa	Đường Trại Bàng	Đinh Tiên Hoàng	650	15	15	Danh thần triều Lê

		khai quốc công thần vừa là thần khai canh khai cơ lập ra phần lớn vùng đất Cửa lò ngày nay.							
2. 3	**Đinh Tiên Hoàng**	**Đinh Tiên Hoàng (924 - 979).** (tên thật: Đinh Bộ Lĩnh; Quê: Hoa Lư, (nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), con của Đinh Công Trứ, thứ sử Hoan Châu thời Dương Đình Nghệ.Năm 967, ông liên kết với sứ quân Trần, sức càng mạnh, đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, lên ngôi hoàng đế, dựng triều Đinh, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, định đô tại Hoa Lư, đặt niên hiệu Thái Bình, cho đúc tiềnđồng, ban bố hình phạt. Năm 970, sai sứ giả thông hiếu với nhà Tống. Mở cửa biểncho thuyền nước ngoài đến buôn bán. Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con cả là Đinh Liễn bị sát hại. Lăng vua được xây dựng trên đỉnh núi Mã Yên ở Hoa Lư, Ninh Bình. Lăngxây dựng bằng đá,quy mô kiến trúc nhỏ và đơn giản, phía trước dựng bia đá có đề dòng chữ "Đinh	Nhựa	Đường Trại Bàng	Phạm Sư Mạnh	970	30	30	Nhân vật huyền thoại – thủy tổ dân tộc Việt.

		triều - Tiên Hoàng đế chi lăng							
3.	**Dương Thúc Hạp** 4	Dương Thúc Hạp (1835-1920) Chí sỹ yêu nước, nhà thơ. Quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hồi nhỏ có tên là Dương Thúc Dinh, sau đi thi tú tài mới đổi là Thúc Hạp. Mồ côi cả cha lẫn mẹ năm 28 tuổi, cuộc đời khoa cử của ông là cả một sự kiên nhẫn dày công. Năm 1873 mới đỗ tú tài, năm 1879 đỗ cử nhân, năm 1884 mới đỗ tiến sỹ khoa Giáp Thân niên hiệu Kiến Phúc. Lúc đầu làm Hàn lâm biên tu, sung chức Thừa biện quốc sử quán. Phong trào Cần Vương nổi lên, ông cùng các nghĩa quân hoạt động ở vùng Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp bây giờ. Khi Nguyễn Xuân Ôn bị bắt,phong trào Cần Vương lắng xuống, Ông về làng Thượng Yên dạy học.Triều đình Huế mấy lần gọi ông ra làm quan. Từ chối không được, ông phải ra làm Tuần trấp huyện Quỳnh Lưu (1888) Hương biện phủ Diễn Châu (1890) rồi Quyền Tri phủ Anh Sơn, rồi làm	Nhựa	Đinh Tiên Hoàng	Đường QH - 15m	590	12	12	Danh sĩ triều Nguyễn

		Đốc học Nghệ An (1891). Năm 1899, ông xin nghỉ hưu về làng mở trường dạy học, học trò của ông có nhiều người thành đạt. Ông để lại cho đời nhiều tác phẩm nổi tiếng như: An Tĩnh sơn thủy vinh, Chiêu quân xuất tái phú,..., Thơ văn của ông tao nhã, có hồn và được lưu truyền đến ngày nay.							
4. 5	**Nguyễn Sư Mạnh**	Phạm Sư Mạnh sinh năm 1300 - 1348, tên thật là Phạm Độ, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, nay là xã mang tên ông – xã Phạm Mạnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Khi còn nhỏ đi học, nổi tiếng thần đồng, lại được thầy Chu Văn An rèn dũa nên tài năng thơ văn của ông càng phát triển. Tương truyền rằng núi Phượng Hoàng nơi Chu Văn An mở trường dạy học, núi Yên Phụ, nơi có đền thờ An Sinh Vương và động Kính Chủ quê hương ông, đều từng là nơi đọc sách của Phạm Sư Mạnh. Ông đỗ Thái học sinh (tương	Nhựa	Đường Trại Bàng	Đinh Tiên Hoàng	650	30	30	Danh sĩ thời Trần

		đương tiến sĩ) khoa Quý Tỵ (1323) và được bổ dụng làm quan ngay. Gần 50 năm làm quan dưới ba triều vua Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông, ông đã đảm nhiệm nhiều trọng trách. Năm Mậu Tuất (1358), triều đình cử ông giữ chức Nhập nội hành khiển. Năm Kỷ Hợi (1359) thăng chức Hành khiển tả ty lang trung. Tới năm Nhâm Dần (1362) thăng chức Tri khu mật viện sự. Do đảm nhiệm những công việc lớn của triều đình, ông phải đi khắp đất nước, từ chốn biên cương đến miền duyên hải. Vốn phóng khoáng, nên tới đâu ông cũng đi thăm các danh lam thắng cảnh, đề thơ, nên thơ của ông trải rộng khắp đất nước. Không những là nhà thơ siêu việt, Phạm Sư Mạnh còn là nhà ngoại giao có tài uyên bác. Đời Trần Dụ Tông (1341 – 1369) ông giữ nhiều trọng trách về ngoại giao. Hồi đó nhà Nguyên sai sứ là Vương Sĩ Hành sang chất vấn về cột đồng. Trần Dụ Tông vời Phạm Sư Mạnh							

		ra đối đáp (1345). Nhờ uyên thông kinh sử, lại khéo léo mềm mỏng, ông đã biện bác thắng lợi, sứ Nguyên không dám hạch sách nhiễu sự nữa. Phạm Sư Mạnh lại được vua cử đi sứ biện bạch, ông có làm một chùm thơ khi đi sứ cùng với những bài thơ xướng họa với Dư Quý sứ nhà Nguyên. Lê Quát, bạn văn thơ đồng triều, có thơ tặng lúc lên đường.							
5. 6	**Sơn Thủy**	Sơn Thủy là tên viết tắt của xóm Vạn Sơn, Vạn Thủy thuộc làng Vạn Lộc có lịch sử từ đời vua Lê Thuần Tông (1732 - 1735). Hiện nay, làng có đền Vạn Lộc thờ Nguyễn Sư Hồi – vị tướng Trấn thủ nhị thập hải môn có trọng trách trấn giữ 12 cửa biển từ Sầm Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Tùng (Quảng Bình) và có công chiêu dân lập ấp ra làng Vạn Lộc và Tân Lộc đông đúc trù phú cho đến nay.	Bê Tông	Đường Vạn Lộc	Đường Trại Bàng	450	5-7	12	Địa danh
6. 7	**Tân Lộc**	Nghi Tân là một trong những vùng đất được thành lập cách ngày nay 500 năm do Thái Úy Nguyễn Sư Hồi khai cơ lập	Bê Tông	Đường Vạn Lộc	Đường Trại Bàng (bờ kè)	460	5-7	9	Địa danh

		ấp, buổi đầu có tên là Hải Ngung, sau đổi thành Hải Giang. Tên gọi Vạn Lộc, Tân Lộc theo các tài liệu địa phương thì được đặt vào thời Nguyễn và tồn tại cho đến trước năm 1945, sau đó đổi thành Long Châu, Hợp Châu và hiện nay là Nghi Tân. Đây là làng có giáo xứ Tân Lộc với lịch sử xây dựng hàng trăm năm trước, gắn liền với đời sống sinh hoạt của bà con giáo dân, cũng như kết nối sự đoàn kết lương giáo.							
7. 8	**Lê Hữu Trác**	Lê Hữu Trác (1720 - 1792) Quê ở xã Thượng Thống, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Ông là người có tài học, sau khi thi đỗ Hương Cống nhưng không ra làm quan mà lánh về quê ở ẩn tại quê ngoại xã Phúc Lộc, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một văn sỹ, một danh y nổi tiếng dưới thời Lê Hiển Tông, là người có tài lược hơn người, sống rất thanh liêm. Ông đã chữa khỏi bệnh cho rất nhiều người và đã để lại cho nền y học Việt Nam một bộ sách đồ sộ vô cùng quý giá gồm 66 quyển khảo cứu về y học và dược học gọi là Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Ông là Y sư kiệt xuất của nhân dân ta.	Nhựa và bê tông	Đường Nguyễn Huy Nhu	Hoàng Nguyên Cát	510	6	9	Danh Y thời Lê

8.	9 **Nguyễn Bá Lộc**	Nguyễn Bá Lộc (thế kỷ XVIII) Quê ở xã Ngô Trường, huyện Chân Lộc, nay là xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, Nghệ An. Theo Nguyễn Huệ từ buổi đầu, có sức khỏe và võ nghệ hơn người, Nguyễn Bá Lộc đã cùng Nguyễn Huệ đánh thắng quân xâm lược Xiêm trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút (1785) và từng chỉ huy 1 trong 5 đạo quân của vua Quang Trung đánh bại quân Thanh ở Thăng Long năm 1789. Nguyễn Ánh lên ngôi vua lập ra nhà Nguyễn Gia Long, sợ bị trả thù con cháu của Nghuyễn Bá Lộc đã chuyển từ xã Ngô Trường về đất Ba Trang thuộc làng Song Lộc, tổng Đặng Xá nay là xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc.	Bê Tông	Đường Phạm Huy	đường Nguyễn Huệ	760	5-7	7	Danh tướng thời Tây Sơn
9.	1 0 **Lý Thái Tổ**	Lý Thái Tổ (974 - 1028) Là Lý Công Uẩn; Quê làng Cổ Pháp (Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh). Thuở nhỏ, theo học và làm con nuôi nhà sư Lý Khánh Vân nên lấy họ Lý. Làm quan nhàTiền Lê đến chức điện tiền chỉ huy sứ, có uy tín và thế lực trong triều. Khi Lê Long Đĩnh chết (1009), được triều thần suy tôn lên làm vua,tức Lý Thái Tổ.	Nhựa	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Xí	2275	30	46	Vua triều nhà Lý

		Năm 1010, Lý Thái Tổ xuống chiếu dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, đặt tên là Thăng Long. Ông đích thân tổ chức xây dựng kinh thành, cung điện, chùa miếu, lập phố xá. Xuất vàng bạc trong kho ra xây nhiều chùa, tháp trong nước, phát triển văn hoá dân tộc. Trong thời gian trị vì, ông ra sức chỉnh đốn quân đội, kiện toàn bộ máy nhà nước, phát triển kinh tế. Đặt nền móng đầu tiên cho triều Lý tồn tại trên 200 năm trong lịch sử Việt Nam. Ông ở ngôi 19 năm, hưởng thọ 54 tuổi. Ông được táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức							
10. 1 1	**Nguyễn Tài Cẩn**	**Nguyễn Tài Cẩn** (1926–2011) là một trong những chuyên gia đầu ngành Ngôn ngữ học Việt Nam. Ông đã có công lớn trong việc xây dựng chuyên ngành Ngôn ngữ học tại trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là khoa Ngôn ngữ học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Ông đã được nhận giải	Nhựa	Lý Thái Tổ	Đường QH - 12m	640	12	12	Nhà khoa học, nhà giáo

		thưởng Hồ Chí Minh về khoa học – công nghệ năm 2000, được phong tặng học hàm Giáo sư đợt 1 năm 1980 và danh hiệu Nhà giáo Nhân dân năm 2008. Ông sinh ngày 2 tháng 5 năm 1926 tại làng Thượng Thọ (nay thuộc xã Thanh Văn), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình Nho học. Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia các công tác kháng chiến tại Nghệ An, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1949.Năm 1949, ông bắt đầu dạy học. Năm 1952, ông được bổ nhiệm làm trợ lý đại học lớp đầu tại Liên khu 4, năm 1953–1954 là Trưởng phòng chuyên môn của Khu Giáo dục Liên khu bốn.Trong những năm 1955–1960, ông được Bộ Giáo dục Việt Nam cử làm chuyên gia Việt ngữ học đầu tiên của Việt Nam tại Liên Xô (làm việc tại Đại học Tổng hợp Leningrad). Năm 1960 ông bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ ngữ văn đầu tiên							

		của Việt Nam tại Liên Xô về ngành ngôn ngữ học với đề tài "Từ loại Danh từ tiếng Việt". Từ năm 1961 đến năm 1971, ông làm Chủ nhiệm Bộ môn Ngôn ngữ học, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1980 ông được phong hàm Giáo sư. Ông được mời giảng tại Đại học Paris 7 vào các năm 1982, 1988–1990, và tại Đại học Cornell (Hoa Kỳ) năm 1991.Năm 2000 Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn đã được Nhà nước Việt Nam tặng giải thưởng Hồ Chí Minh. Năm 2008, ông được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân. Ông mất hồi 19 giờ 10 phút (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 02 năm 2011 tại Moskva (Liên bang Nga) sau một thời gian đau ốm, hưởng thọ 85 tuổi.							
11.	**Nguyễn Tri Phương** 1 2	Nguyễn Tri Phương tên cũ là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu là Đường Xuyên, sinh ngày 21 tháng 7 năm Canh Thân (9	Nhựa	Nguyễn Tài Cẩn	Đường QH - 12m	420	12	12	Danh tướng thời Nguyễn

		tháng 9 năm 1800), quê làng Đường Long (Chí Long), xã Điền Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông xuất thân trong một gia đình làm ruộng và nghề thợ mộc. Nhà nghèo lại không xuất thân từ khoa bảng nhưng nhờ ý chí tự lập ông đã làm nên cơ nghiệp lớn. Năm Quý Mùi (1823), vua Minh Mạng đề bạt ông hàm Điển bộ (Bí thư ở Nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ, năm 1831 thăng Hồng Lô tự khanh. Năm 1832, ông được sung vào phái bộ sang Trung Quốc về việc thương mại. Năm 1835 ông nhận lệnh vua Minh Mạng vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng bình định các vùng mới khai hoang. Việc thành công ông được thăng hàm Thị lang. Năm 1837, ông bị triều thần dèm pha, nên bị giáng xuống làm thơ lại ở bộ Lại. Cuối năm, ông được khôi phục hàm Chủ sự, sung chức Lang trung. Năm sau ông							

		thăng Thị lang bộ Lễ, năm 1839 thăng hàm Tham tri, làm việc ở Nội các. Năm Canh Tý (1840), ông được bổ làm Tuần phủ Nam Ngãi (Quảng Nam và Quảng Ngãi), trông coi bố phòng cửa biển Đà Nẵng. Công việc hoàn thành tốt đẹp, ông được triệu về kinh thăng Tham tri bộ Công, được vua Thiệu Trị cử làm Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Tại đây, ông dẹp tan được các toán giặc cướp nước ngoài vào quấy phá. Tháng 5 âm năm 1844, ông được cải bổ Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên). Năm 1845, ông cùng với Doãn Uẩn đánh bại quân Xiêm La của tướng Bodin, bình định Cao Miên, ổn định hoàn toàn vùng biên giới Tây Nam thuộc miền Tây Nam bộ. Ông được vua Thiệu Trị khen là người gan dạ: *Gần đây có viên trung sứ từ quân thứ về nói: Nguyễn Tri Phương đối trận đánh nhau với giặc, đạn rơi xuống như mưa; tỳ*							

		tướng hâm xin bỏ lọng đi để cho địch khỏi biết. Tri Phương quát lên, sai giương thêm 2 lọng nữa. Từ đấy, khí thế quân sĩ hăng hái gấp trăm lần, sẽ thu được thành công. Ví phỏng người nhút nhát đương vào việc ấy, liệu có khỏi mất tinh thần không ?". Sau đó, ông được thăng chức Khâm sai quân thứ đại thần Trấn Tây hàm Tòng Hiệp Biện Đại học sĩ (tháng 9 âm/1845), rồi được thưởng danh hiệu "An Tây trí dũng tướng" (tháng 2 âm/1847). Tháng 5 năm 1847, ông được triệu về kinh, thăng hàm Chánh Hiệp biện đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Công đại thần Cơ mật viện, tước Tráng Liệt tử[5] và được ban một Ngọc bài có khắc bốn chữ "Quân kỳ thạc phụ", được chép công trạng vào bia đá ở Võ miếu (Huế). Sau khi vua Thiệu Trị mất, ông được đình thần tôn làm Phụ chính Đại thần (theo di chiếu). Năm Mậu Thân (1848), vua Tự Đức phong tước cho ông là Tráng Liệt bá. Cùng							

		năm đó, cha ông qua đời. Ông xin về cư tang, nhưng vì đang làm Phụ chính nên chỉ được nghỉ một thời gian ngắn phải ra làm việc tại triều đình. Năm Canh Tuất (1850), vua Tự Đức chuẩn phê cải tên ông là Nguyễn Tri Phương. Từ đó tên Nguyễn Tri Phương trở thành tên chính của ông. Sau đó ông được sung chức Khâm sai Tổng thống Quân vụ Đại thần các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Năm 1853, ông được thăng Điện hàm Đông các Đại học sĩ, rồi lãnh chức Kinh lược sứ Nam Kỳ. Trong thời gian này, ông có công lập được nhiều đồn điền, khai khẩn đất hoang, dân cư ở địa phương được an cư lập nghiệp.							
12.	**Phan Đình Giót** 1 3	Phan Đình Giót (1922-1954) là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Chức vụ cuối của ông là	Nhựa	Nguyễn Tài Cần	Đường QH - 12m	465	12	12	Liệt sỹ, AHLLVT

		Tiểu đội phó bộ binh Đại đội 58, Tiểu đoàn 428, Trung đoàn 141, Đại đoàn 312, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Phan Đình Giót sinh ở làng Vĩnh Yên (nay là thôn 8), xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau Cách mạng tháng Tám, Phan Đình Giót tham gia tự vệ chiến đấu. Đến năm 1950, Phan Đình Giót xung phong đi bộ đội chủ lực. Phan Đình Giót đã tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Mùa đông năm 1953, đơn vị được lệnh tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Lực lượng hành quân gần 500 người, vượt qua nhiều đèo dốc, mang vác nặng nhưng ông vẫn kiên trì, giúp đồng đội về tới đích. Chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, đơn vị của ông nổ súng tiêu diệt địch ở Him Lam. Phan Đình Giót đã hy sinh lúc 22 giờ 30 phút ngày 13/3/1954 ở tuổi 32. Ông là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được							

		tuyên dương thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ.Ngày 31 tháng 3 năm 1955, Phan Đình Giót được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Sau được truy tặng thêm Huân chương Quân công hạng Nhì. Chiếc bi đông và khẩu súng kỷ vật của ông được gìn giữ tại Bảo tàng Quân đoàn 1.							
13.	**Thái Bá Du**	Thái Bá Du (1521-1602) Xuất thân trong gia tộc làm tướng, ông được thừa hưởng sự giáo dục của gia đình về nghiệp binh, từ nhỏ đã là người dũng lược mưu trí và can đảm hơn người. Năm Nguyên Hòa thứ 7 (1540), ông được phong chức Cai cơ, tước Nhân Lý hầu. Năm Nguyên Hòa thứ 10 (1543), ông là thuộc tướng của Hữu tướng Thái úy Vinh Quốc công Hoàng Đình ông được vua Lê Trang Tông phong làm Phụ quốc Thượng tướng quân, tước Nhân Lý hầu. Năm Nguyên Hòa thứ 14 (1547), ông được vua khen thưởng 4 phiến bài vàng và phong làm Cẩm uy vệ, Đô Chỉ huy sứ, Ti Đô Chỉ huy sứ, tước Nhân Quận công. Thời Lê	Nhựa	Nguyễn Cảnh Quế	Đường QH – (ngõ đường Mai Thúc Loan)	460	10	10	Danh thần thời Hậu Lê

		Anh Tông, năm Chính trị thứ 13 (1570), ông được phong làm Cẩm y Vệ, Chưởng vệ sự, Nhân Quận công. Cuối năm Hồng Phúc thứ 1 (1572), ông được phong Bắc quân Đô đốc Phủ, Đô đốc Đồng tri, Nhân Quận công. Thời vua Lê Thế Tông. Năm Gia Thái thứ 3 (1576), Thạch Quận công Nhà Mạc là Nguyễn Quyện đem quân tấn công Hoan Châu. Ông cùng Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Hoan và Lai Quận công Phan Công Tích (cũng là con rể của ông) và 8 người con trai cùng lập công. Vua ban chiếu chỉ khen ngợi *"Chân quận công Thái Bá Du giúp rập nước nhà, công nghiệp lớn lao thật không phụ trách nhiệm"*, cho hưởng bổng lộc của hai huyện và trấn, phong hàm Thiếu bảo, tước Chân Quận công. Vào năm Quang Hưng thứ 15 (1593), vua Lê gia thưởng cho ông hàm Thiếu phó, tước Chân Quận công							
14.	**Đội Cấn**	Đội Cấn (1881 – 1918) (Trịnh Văn Đạt; còn gọi Đội Cấn) ông là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt chống Pháp ở Thái Nguyên tháng 8/1917. Quê ở tỉnh Vĩnh Phúc. Vốn là	Nhựa	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	430	14	14	Thủ lĩnh khởi nghĩa Thái Nguyên

		viên Đội lính khố xanh trong cơ binh Pháp đóng ở Thái Nguyên, ông chủ động liên lạc với Lương Ngọc Quyến - chí sĩ yêu nước đang bị giam tại nhà tù Thái Nguyên - bàn tính kế sách. Đêm 30.8, khởi nghĩa bùng nổ. Nghĩa quân giết giám binh Pháp Noël, phá nhà tù, giải phóng 230 tù nhân và sau đó, lực lượng này đều gia nhập nghĩa quân. Lá quân kì 5 ngôi sao đề 4 chữ "Nam binh phục quốc" được kéo lên trước trại lính khố xanh. Nghĩa quân làm chủ TháiNguyên 6 ngày và tuyên bố "Thái Nguyênđộc lập". Pháp đàn áp dữ dội. Nghĩa quân phải rút ra các vùng lân cận vừa hành quân,vừa chiến đấu. Sau đó, do lực lượng quá chênh lệch, cuộc khởi nghĩa thất bại. TrịnhVăn Cấn tự bắn vào bụng, anh dũng hi sinh.							
15.	**Trần Cao Vân** 1 5	**Trần Cao Vân (1866 - 1916)** Quê quán: làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tên thật là Trần Công Thọ, khi ra hoạt động cách mạng	Nhựa	Đường nhựa - 8m	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	660	10	10	Lãnh tụ chống Pháp ở Trung Kỳ

		đổi tên là Trần Cao Vân. Ông là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp tại Trung kỳ Việt Nam do Việt Nam Quang Phục Hội chủ xướng. Năm 1916, ông cùng vua Duy Tân và Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị chém cùng với Thái Phiên và một số người khác. Tên ông được đặt cho các đường phố tại nhiều nơi trên cả nước như Hà Nội, thành phố Hạ Long…							
16.	**Đặng Tử Kính** 1 6	Hoàng Phan Thái (1819-1865) Quê xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Từ nhỏ ông là người thông minh, học giỏi nhưng đi thi chỉ đậu đầu Xứ nên thường gọi ông là Đầu xứ Thái. Ông mở trường dạy học từ Bắc vào Nam để tìm bạn tâm giao. Là người có lòng yêu nước, thương dân Hoàng Phan Thái đã sáng tác nhiều thơ văn thể hiện lòng yêu nước, căm thù giặc. Ông đã chiêu dụ nghĩa binh dựng cờ "Đông Hải đại tướng quân", phát hịch chống Pháp tại quê nhà. Sau đó ông bị	Nhựa	Đường nhựa - 8m	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	670	10	10	Chí sỹ yêu nước

		bắt và bị xử chém năm 1865. .							
17.	**Tăng Bạt Hổ** 1 7	**Tăng Bạt Hổ** (1858 - 1906), tự là Sư Triệu, hiệu là Điền Bát, tên thật là Tăng Doãn Văn, là chí sĩ Việt Nam tham gia chống Pháp cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Ông sinh ngày 19 tháng 7 năm 1858 tại làng An Thường, nay thuộc xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân. Năm 1872, khi mới 14 tuổi, Tăng Bạt Hổ đã tham gia chiến đấu chống Pháp trong hàng ngũ tướng cờ đen Lưu Vĩnh Phúc. Năm hưởng ứng chiếu Cần Vương, Tăng Bạt Hổ cùng với Phạm Toàn chiêu mộ binh lính, rèn đúc vũ khí xây dựng chiến khu chống Pháp tại vùng núi Kim Sơn (huyện Hoài Ân), quê hương ông, là một vùng rừng núi có địa thế hiểm trở. Đầu năm 1887, Nguyễn Thân kéo đại quân triệt phá mật khu Kim Sơn, vây bắt Tăng Bạt Hổ. Mặc dù Nguyễn Thân không thực hiện được kế hoạch, nhưng do quân ít, vũ khí thô sơ nên cuối cùng nghĩa	Nhựa	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	430	14	14	Văn thân yêu nước

		quân tan rã. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Tăng Bạt Hổ vượt núi sang Lào, Xiêm, Trung Quốc, Nga sau đó hoạt động ở Nhật. Tăng Bạt Hổ về tới Hải Phòng cuối năm 1904, vào Quảng Nam, do Nguyễn Thành giới thiệu mà hội họp với Sào Nam và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, đầu năm sau đưa Sào Nam và Đặng Tử Kính qua Nhật để cầu ngoại viện, tổ chức phong trào Đông Du. Năm 1905 ông về nước đem theo bài văn Khuyến thanh niên du học của Phan Bội Châu truyền bá, cổ động. Năm 1906 trên đường từ Nam ra Huế ông lâm bệnh nặng rồi mất trên một chiếc thuyền trên sông Hương. Khi Tăng Bạt Hổ qua đời, Võ Bá Hạp cùng các đồng chí đồng sự đã đem táng thi hài ông trên một gò cao thuộc ấp Thế Lại Thượng. Năm 1956, Lê Ngọc Nghị - một nhân sĩ - đã cùng với một số hậu duệ các bậc tiền bối hợp tác cùng thân hào xã Thế Lại Thượng tổ chức lễ truy điệu và cải táng hài cốt							

		Tăng Bạt Hổ lên chôn tại khu vườn nhà và lăng mộ Phan Bội Châu như hiện nay.							
18.	**Nguyễn Phan Chánh** 1 8 .	Nguyễn Phan Chánh sinh ngày 21 tháng 7 năm 1892 tại thôn Tiền Bạt, xã Trung Tiết, huyện Thạch Hà nay là phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1922 ông tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư phạm thuộc trường Quốc học Huế. Sau đó ở lại dạy học tại trường tiểu học Đông Ba Huế.Năm 1925, Nguyễn Phan Chánh là sinh viên khóa đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Sau Cách mạng tháng 8, Nguyễn Phan Chánh là Ủy viên Thường vụ Hội Văn hóa Cứu quốc của tỉnh. Năm 1955, Nguyễn Phan Chánh trở về Hà Nội, làm giảng viên hội họa Trường Đại học Mỹ thuật trong vài năm. Năm 1957, ông được bầu vào Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá I. Năm 1962, ông là Đại biểu Đại hội liên hoan Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ III. Ông là	Nhựa	Đường Hoáng Tá Thốn	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	790	7	10	Danh họa

		một họa sỹ nổi tiếng với nhiều bức tranh như: "Mẹ bầy cho con đan len", "Hai vợ chồng người nông dân trục lúa" "Chơi ô ăn quan" "Cô gái rửa rau", "Em bé cho chim ăn", "Lên đồng","Sau giờ trực chiến" (1967), tiếp đó là "Trăng tỏ" (1968), "Hạnh phúc" (lụa, 1968), "Chiều về tắm cho con" (1969), "Trăng lu" (lụa, 1970), "Tiên Dung và Chử Đồng Tử" (1973)... Một số tranh lụa của Nguyễn Phan Chánh đã được trưng bày ở Milan (Ý) năm 1934,ở SanFrancisco (Mỹ)...T háng 8 và tháng 9 năm 1982, mừng thọ họa sĩ 90 tuổi, Bộ Văn hoá Việt Nam cùng Bộ Văn hoá Tiệp Khắc, Bộ Văn hoá Hungary tổ chức triển lãm 47 tác phẩm của các thời kỳ sáng tác của Nguyễn Phan Chánh tại Praha, Bratislava, Budapest, Buc harest. Tháng 7 năm 1983, phòng tranh Nguyễn Phan Chánh được trưng bày tại Viện Bảo tàng Phương Đông ở Moskva. Ông mất ngày 22 tháng							

		11 năm 1984 tại Hà Nội và được an táng tại Nghĩa trang Mai Dịch.							
19.	**Vũ Trọng Phụng**	Vũ Trọng Phụng (1912-1939) là một nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Tuy thời gian cầm bút rất ngắn ngủi, với tác phẩm đầu tay là truyện ngắn *Chống nạng lên đường* đăng trên Ngọ báo vào năm 1930, ông đã để lại một kho tác phẩm đáng kinh ngạc: hơn 30 truyện ngắn, 9 tập tiểu thuyết, 9 tập phóng sự, 7 vở kịch, cùng một bản dịch vở kịch từ tiếng Pháp, một số bài viết phê bình, tranh luận văn học và hàng trăm bài báo viết về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa. Một số trích đoạn tác phẩm của ông trong các tác phẩm *Số đỏ* và *Giông Tố* đã được đưa vào sách giáo khoa môn Ngữ văn của Việt Nam.	Nhựa	Đường Cửa Xá	Đường Nguyễn Năng Tĩnh	520	8	8	Nhà văn
20.	**Chế Đình Thông**	Chế Đình Thông (1796-1861) Quê ở làng Thu Lũng, xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc. Hiệu là Thu Giang Y Ông, tên thụy là Dũng Kiên, ông là người tinh thông cả Nho, Y, Lý, Số, là người khảng khái, hay làm việc nghĩa. Trong suốt hơn 20 năm từ 1821 – 1843, Ông	Bê tông	Đường Lê Thánh Tông	Đường Nguyễn Đình Hồ	580	7	9	Danh nhân địa phương thời Nguyễn

		được bầu làm các vị trí như: Xã trưởng, Tri mục, Chức dịch, Xã chính, Cai xã, Tổng hội. Là người có uy tín, được nhân dân kính trọng nên được làng xóm suy tôn là đầu mục của dân, trong thời gian này ông luôn là người mẫn cán, cương trực, công tư phân minh nên đã có nhiều cống hiến cho quê hương, làm nhiều việc ích nước lợi dân, chấn hưng phong hóa. Ông là người góp phần xây dựng kinh đô Huế, từ năm 1843-1853 ông đã Không chỉ cống hiến cho triều đình nhiều công trình đền đài, lăng tẩm mà còn là một người rất nghĩa hiệp, gặp ai có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn ông đều giúp đỡ. Năm 1853, ông xin cáo lão về hưu và mất năm 1861, thọ 66 tuổi. Nhà thờ họ Chế ở Nghi Lộc đã được xếp hạng là di tích cấp tỉnh.							
21.	**Lê Lượng Bạt**	Lê Lượng Bạt (thế kỷ XIX) Quê làng Xuân Tình, tổng Thượng Xá, huyện Chân Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An, nay là xóm 12, xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Từ nhỏ nổi tiếng là một cậu bé thông minh, ngoan ngoãn, rất hiếu thảo và	Bê Tông	Đường Phùng Phúc Kiều	Đ. Lan Châu (Khánh Hợp)	660	7	9	Danh thần thời Nguyễn

		biết cư xử tốt với mọi người. Lớn lên, vốn thông minh, chăm học, lại được cha mẹ hết lòng dạy dỗ, nên Lê Lượng Bạt đã sớm bộc lộ sự mẫn tiệp của mình trong học hành kinh sách. Năm 1834, ông đỗ Cử nhân được triều đình nhà Nguyễn bổ làm quan, ông là một vị quan có tài, có đức, được các triều vua: Minh Mạng *(1820 – 1840)*, Thiệu Trị *(1841 – 1847)*, Tự Đức *(1847 – 1883)* bổ nhiệm nhiều chức vụ khác nhau như: Bố chánh sứ tỉnh Thanh Hóa; Thị độc học sĩ, sung Toản tu Quốc sử quán; Hàn lâm viện Trực học sĩ; Tham tri Bộ Lại quyền chưởng Thượng thư ấn triện. "Ở cương vị nào, Lê Lượng Bạt cũng tỏ rõ là người hiền tài nhân đức, hết lòng thương yêu và giúp đỡ nhân dân". Đối với làng Xuân Tình, ngoài việc giúp đỡ nhân dân đắp đê ngăn mặn, cải tạo đất đai, phát triển chăn nuôi, trồng trọt, Lê Lượng Bạt còn bỏ nhiều công sức, tiền của để xây dựng xóm làng ngày càng phồn thịnh. Nhờ sự quan tâm, giúp đỡ của ông, đất đai ngày càng mở rộng, cuộc sống của nhân dân ngày càng ấm no, hạnh							

		phúc, làng Xuân Tình ngày càng trù phú. Nhà thờ họ Lê đã được xếp hạng là di tích cấp tỉnh.							
22.	22. **Bàu Lối**	Bàu lối là tên làng thuộc phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, đây là địa danh quen thuộc gắn với quá trình hình thành và phát triển của người Nghi Thu. Tại đường này còn cón di tích cấp đền Bàu Lối.	Bê tông	Đường Phùng Phúc kiều	Đ. Lan Châu (Khánh Hợp)	605	7		Địa danh
23.	23 **Hoàng Khắc Dòng**	Hoàng Khắc Dòng – Thần khai canh khai cơ. Quê quán ở làng Thu Lũng, nay là phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, ông từng làm chức Tri Công Công dưới triều đại Lê Cảnh Hưng, sau khi về hưu ông đã dùng bổng lộc, tiền của của mình giúp dân tạo lập đất đai, cầu cống, sửa sang, xây dựng đền, chùa, miếu mo trong làng. Để tưởng nhớ công lao của ông, sau khi qua đời, nhân dân đã lập đền thờ phụng gọi là đền Bàu Lối và ghi công vào bia đá, hiện nay tấm bia vẫn còn được lưu giữ bảo quản tại đền Bàu Lối, phường Nghi Thu thị xã Cửa Lò.	Bê tông	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Sư Hồi	520	10	10	Thần khai canh, khai cơ
	Đặng Thùy Trâm	Đặng Thùy Trâm (1942-1970)	Bê	Đường	Đường	560	15	15	Liệt sĩ

	24	Bà quê gốc ở Thừa thiên-Huế, sinh ra và lớn lên tại Hà Nội, trong một gia đình có truyền thống làm nghề y. Năm 1966, bà tốt nghiệp Trường Đại học Y khoa Hà Nội, sau đó xung phong vào chiến trường miền Nam, công tác tại bệnh viện huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Trong khi làm nhiệm vụ bà đã bị địch phục kích và anh dũng hy sinh vào năm 1970.Bà đồng thời là tác giả hai tập nhật ký, được cựu sĩ quan quân báo Hoa Kỳ lưu giữ cho đến ngày được trả lại cuối tháng 4, 2005. Nhật ký của bà sau đó được nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn biên tập thành quyển sách mang tên *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* và trở thành một hiện tượng văn học với hơn 400.000 bản được bán và được dịch ra nhiều thứ tiếng.	tông	Sào Nam	Lê Văn Miến				
25.	**Lý Quốc Sư** 26	Lý Quốc Sư (1065 – 1141) là tên gọi theo quốc tính họ Vua do nhà Lý ban cho và ghép với chức danh pháp lý cao nhất của một vị thiền	Bê tông	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Duy Trinh	680	7		Cao tăng

	.	sư từng là dược sư, pháp sư, đại sư rồi quốc sư tên hiệu Nguyễn Minh Không . Đạo hiệu Phù Vân quảng đạt đại pháp sư, Người dân ở quê hương Ninh Bình thường gọi ông là Đức thánh Nguyễn. Ông là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức Phật giáo của triều đại nhà Lý trong lịch sử, là vị thiền sư sáng lập nên nhiều ngôi chùa nhất ở Việt Nam, được tôn vinh là ông tổ nghề đúc đồng và cũng là ông tổ nghề Đông y Việt Nam. Vì có nhiều công lớn chữa bệnh cho vua và nhân dân mà ông cùng với Trần Hưng Đạo, là những nhân vật lịch sử có thật, sau này được người Việt tôn sùng là *đức thánh Nguyễn, đức thánh Trần* và ông được hậu thế thờ ở rất nhiều đền, đình, và cả trong chùa theo kiểu *tiền Phật hậu Thánh*. Một số ghi chép xưa xếp ông là vị thánh trong tứ bất tử. Trong truyền thuyết dân gian, Nguyễn Minh Không là một nhân vật huyền thoại, xuất hiện với nhiều tình tiết kỳ bí thậm chí							

		hoang đường như khi tu thiền đắc đạo có thể đi mây về gió, niệm chú cho chim lạ rơi xuống đất, ngả nón làm thuyền vượt sông cả, cho cả kho đồng nước Tống vào túi đem về đúc Tứ Đại khí, thò tay vào vạc dầu đang sôi vớt hàng trăm chiếc kim chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông. Hiện nay ở vùng châu thổ sông Hồng có rất nhiều nơi còn đền thờ ông như ở Ninh Bình, Bắc Ninh, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Thái Bình, Quảng Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang.							
26.	**Nguyễn Thị Xân** 2 6	Nguyễn Thị Xân (1902-1992) Quê làng Kỳ Trân, tổng Thượng Xá, nay thuộc xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, hồi nhỏ có tên là Chính, được sinh ra và lớn lên trong gia đình có truyền thống yêu nước. Cuối năm 1929 Bà được giao nhiệm vụ mua vải may cờ đỏ búa liềm, in truyền đơn tuyên truyền nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga lần thứ 12. Ngày 01/5//1930, Bà trở thành ủy viên BCH huyện Đảng bộ, trực tiếp lãnh	Nhựa	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Hoàng Thị Lê	585	7	15	Chiến sĩ Cách mạng

		đạo phong trào đấu tranh của huyện Nghi Lộc trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Năm 1931, Bà được điều động làm việc ở Tỉnh ủy và trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng huyện Anh Sơn. Tháng 4/1938, Bà được bầu vào BCH Tỉnh ủy Nghệ An, phụ trách công tác phụ vận và lãnh đạo các huyện miền Tây Nghệ An, sau đó bị bắt và đày tại nhà tù Nha Trang (Khánh Hòa). Tháng 4/1945 bà thoát khỏi nhà tù, trên đường trở về Nghệ An bà tham gia đấu tranh cướp chính quyền ở Quảng Ngãi và được bầu làm Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Quảng Ngãi khóa đầu tiên. Năm 1954, bà về Nghệ An hoạt động thời gian rồi về hưu và mất ngày 30/10/1992. Quá trình hoạt động bà được tặng nhiều Huân chương, trong đó có Huân chương lao động hạng nhất.							
27	**Nguyễn Trọng Đạt** 2 7	Nguyễn Trọng Đạt (?-1471) là con trai thứ 10 của Thái sư Cương Quốc Công Nguyễn Xí. Ông vốn là bậc kỳ tài trong thiên hạ, văn võ song toàn có công với dân, với nước được triều Lê sơ phong nhiều tước, hàm: "Tín đạt đại phu xuất thân, tán	Nhựa	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Triệu Việt Vương	807	10.5	10.5	Danh tướng thời Lê sơ

		trị công thần, Bắc quân đô đốc lịch trung dinh thượng tướng quân Linh Quận Công Nguyễn Trọng Đạt". Năm Canh Thìn 1460 với chức vụ là Thượng tướng quân Bắc Quân Đô đốc theo lệnh cha cùng các anh trai, với vai trò nòng cốt ông đã có công lớn trong việc lật đổ Lê Nghi Dân đem Lê Tư Thành lên ngôi báu Đại Thống. Năm 1471, ông cùng các anh trai theo vua Lê Thánh Tông đi đánh quân Chiêm Thành, cuộc chiến thắng lợi Sau khi Chiến Thắng Ông Được Vua lê Cho Quản lý Vùng Đất Từ Nghệ An Đến Vùng Đất Thuận Hóa Mới Chiến Được, Ông mất vào ngày 17 tháng 5 năm 1471. Ông được an táng tại Bàu Sen – Kim Ổ, (nay thuộc phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò) và được người dân nơi đây suy tôn là Thành hoàng làng. Di tích đền thờ và mộ Nguyễn Trọng Đạt đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.							
	Nguyễn Thiện Chương	Nguyễn Thiện Chương quê ở làng Nam Hoa, nay là xã Khánh	Nhựa	Đường Nguyễn	Đường Nguyễn	630	8	11	Danh sĩ triều Lê

	28	Sơn, huyện Nam Đàn. Ông nội là Nguyễn Thiện Chư, Giáo thụ Quốc Tử Giám. Năm 1468, khi mới 14 tuổi, ông đậu Hương cống vào học Trường Quốc Tử Giám và nổi tiếng học giỏi trong trường. Sách "Nghệ An Ký" của Bùi Dương Lịch viết: "Theo Đăng Khóa Lục, năm 18 tuổi, Nguyễn Thiện Chương đỗ đồng tiến sỹ khoa Kỷ Sửu, đời Lê Thánh Tông, niên hiệu Quang Thuận thứ 10 (1469) làm đến Hữu Thị lang". Thi đỗ tiến sỹ, Nguyễn Thiện Chương được vua ban áo mũ, nghi trượng, dự yến tiệc và cho vinh quy bái tổ.		Thúc Tự	Đức Công				
29.	**Bạch Đằng** 29	Sông Bạch Đằng (Bạch Đằng Giang), hiệu là sông Vân Cừ, chảy qua địa phận thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng). Thuộc hệ thống sông Thái Bình. Nổi tiếng về những chiến thắng của quân dân Việt Nam chống xâm lược đã diễn ra ở đây: năm 938, Ngô Quyền phá quân Nam Hán; năm981, Lê Hoàn đẩy	Nhựa	Đường Sào Nam	Đường Nguyễn Sinh Cung	1260	8		Sự kiện lịch sử

		lùi quân Tống; năm 1288, Trần Hưng Đạo diệt quân Nguyên. Dòng sông đã đi vào thi ca như biểu trưng của tinh thần yêu nước, tiêu biểu là tác phẩm "Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu.							
30.	**Nguyễn Trọng Thưởng**	Nguyễn Trọng Thưởng sinh vào khoảng giữa thế kỷ XVI tại làng Thượng Xá, tổng Thượng Xá, huyện Chân Phúc. Ông thuộc đời thứ 5 dòng dõi của Cương Quốc công Nguyễn Xí, là con trai trưởng của Thái bảo Hoằng Quận công Nguyễn Kế Hưng. Xuất thân từ một gia đình có truyền thống võ quan, từ nhỏ ông đã được rèn luyện thạo võ nghệ. Khi trưởng thành, ông thi đỗ Tạo sỹ võ và được triều đình cử làm "Đô hiệu điểm ti Tả hiệu điểm", tước Nhân Lộc hầu, chỉ huy quân đội triều đình Bắc Hà. Năm 1623, Mạc Kính Khoan đem quân đánh phá kinh thành Thăng Long. Nguyễn Trọng Thưởng đã tập trung binh lính, các bá quan văn võ trong triều để bảo vệ kinh thành và đánh dẹp được quân nhà Mạc, ông có công lớn trong việc bảo vệ vua Lê, nên ông được phong Phụ	Nhựa	Đường Nguyễn Thị Phúc	Đường Hoàng Đan	1400	7	15	Danh tướng thời Lê

		quốc Thuần tín Dương võ Uy dũng Tán trị Công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Điện tiền đô hiệu điểm ti Tả hiệu điểm Trinh Quận công. Năm 1628, Nguyễn Trọng Thưởng cùng với em ruột là Nguyễn Kế Đại và con trai là Trịnh Xá hầu Nguyễn Trọng Chất, phó Đô sứ Nguyễn Trọng Hiền, Thượng trụ quốc Nguyễn Trọng Lương, tổ chức lực lượng chống lại quân của chúa Nguyễn đàng trong, tại khu vực Sông Gianh, Quảng Bình. Trong trận đánh này, Nguyễn Trọng Thưởng đã chiến đấu anh dũng và tử trận. Nhà thờ Nguyễn Trọng Thưởng đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh.							
31.	**Nguyễn Thị Phúc**	Nguyễn Thị Phúc (1914- 1941) Quê ở xã Cẩm Trường, nay là xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Bà giác ngộ cách mạng khi còn là học sinh tiểu học Pháp - Việt. Bà được kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương năm 1930, sau đó thoát li gia đình đi làm cán bộ cách mạng chuyên nghiệp cho Đảng, phụ trách việc in ấn truyền đơn, tài liệu, báo chí. Bà được bầu vào Ban chấp hành huyện uỷ Nghi Lộc. Bà bị thực dân Pháp bắt cầm tự nhiều lần và	Nhựa	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Nguyễn Duy Trinh	400	7		Chiến sĩ cách mạng

		bị chúng tra tấn rất dã man. Năm 1939 ra tù, nghe theo lời cha, bà đồng ý xây dựng gia đình. Năm 1940, bà lại bị bắt khi đang có thai đứa con đầu lòng. Bà sinh con trong tự, gia đình chồng đưa cháu về nhà nuôi, còn bà vẫn tiếp tục bị ngồi tù. Bà trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 27 tại nhà lao Hà Tĩnh. Bà đã cống hiến, hi sinh trọn đời mình cho cách mạng. Bà còn sáng tác thơ trong thời gian bị giam ở nhà lao Vinh. Một số thơ của bà đó được in trong cuốn "Thơ văn Xô Viết Nghệ Tĩnh" và Tổng tập văn học Việt Nam, tập 34.							
32.	**Nguyễn Hữu Chỉnh**	Nguyễn Hữu Chỉnh (1741- 1788) Quê làng Cổ Đan, xã Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An (là xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, Nghệ An), con nhà phú thương Nguyễn Mẫn. Nguyễn Hữu Chỉnh thi đỗ Hương cống lúc mới 16 tuổi, 18 tuổi thi đỗ Tam trường, ông có cơ trí và có tài biện bác, giỏi văn thơ. Trước theo Hoàng Ngũ Phúc đánh chúa Nguyễn ở Thuận Hóa. Khi Hoàng Ngũ Phúc mất, ông dựa vào Hoàng Đình Bảo, lúc kêu binh	Nhựa	Đường Nguyễn Sinh Cung	Đường Đỗ Bá Công Đạo	475	7		Danh tướng thời Hậu Lê

		nổi lên giết Hoàng Đình Bảo, ông chạy vào Nghệ An, rồi theo Tây Sơn đánh chúa Trịnh. Ông đã có công lớn trong việc giúp Nguyễn Huệ đánh chiếm Phú Xuân cũng như tiến ra bắc diệt Trịnh,cơ bản chấm dứt sự chia cắt đất nước.Trong chiến dịch tiến ra bắc diệt Trịnh,Nguyễn Hữu Chỉnh đóng vai trò tướng tiên phong. Nguyễn Hữu Chỉnh cũng chính là người đã gầy dựng cuộc hôn nhân đẹp đẽ giữa Nguyễn Huệ và công chúa Lê NgọcHân. Sau đó, biết tin anh em Tây Sơn bất hoà, Hữu Chỉnh có ý chống đối lại Tây Sơn, mưu lập thế lực riêng như chúa Trịnh trước đây. Muốn mở rộng ảnh hưởng vào Nam, Nguyễn Hữu Chỉnh thông đồng với Nguyễn Duệ chiếm đất Nghệ An, sửa lũy Hoành Sơn, lấy Linh Giang (tức sông Gianh) làm giới hạn với Thuận Hóa.Khi có thế lực, ông xin vua Lê đòi Tây Sơn trả đất Nghệ An, và xúi giục Nguyễn Văn Duệ chống lại							

		Tây Sơn. Khoảng cuối năm Đinh Mùi 1787 (1/1788), Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm đánh bắt ông, rồi giết.							
33.	**Chi Lăng**	Một huyện thuộc phía nam tỉnh Lạng Sơn. Tên gọi có từ đời Lý. Đến 1831, đổi là Ôn Châu thuộc tỉnh Lạng Sơn, sau là Đồng Mỏ. Thuộc tỉnh Cao Lạng từ 1975. Đến 1978, trở lại Lạng Sơn và mang tên Chi Lăng Chiến thắng Chi Lăng (ngày 10-10-1427) là một chiến công chói lọi của nghĩa quân Lam Sơn, đập tan bộ phận tiên phong của đạo viện binh chủ lực nhà Minh, gắn liền với tên tuổi của vị anh hùng -Lê Lợi. Chiến công tại trận Chi Lăng là hình ảnh tiêu biểu của tinh thần quả cảm và nghệ thuật quân sự điêu luyện của nghĩa quân Lam Sơn, điển hình của nghệ thuật "lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh" và đi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam như một mốc son lịch sử.	Nhựa	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	350	10	12	Địa danh – sự kiện lịch sử
34.	**Tố Hữu**	Tố Hữu, tên thật là Nguyễn Kim Thành (4 tháng 10 năm 1920 – 9	Nhựa	Đường Lý Nam	Đường Lý Nam	1355	12	12	Nhà thơ – nhà

		tháng 12 năm 2002; quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) là một nhà thơ tiêu biểu của thơ cách mạng Việt Nam, đồng thời ông còn là một chính khách, một cán bộ cách mạng lão thành. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam như Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		Đế	Đế				chính trị
35.	**Nguyễn Tài Tuyển**	Nguyễn Tài Tuyển (1838 - 1884) hiệu Dụng Trai tiên sinh, quê ở giáp Thượng Thọ, xã Đại Đồng, nay là làng Thượng Thọ xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, đô tú tài khoa Tân Dậu, Tự Đức năm thứ 20 (1867), Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1877). đậu Cử nhân năm 1867, cụ mở lớp dạy học. Sỹ tử nhiều người thành đạt; cử nhân Nguyễn Tài Thực (Đại Đồng); Cử	Nhựa	Đường Nguyễn Sinh Cung	Nguyễn Tuân	750	10	15	Danh thần thời Nguyễn

		nhân Nguyễn Dương Uy (Võ Liệt); Cử nhân Nguyễn Vĩ (Tiến Hội); Cử nhân Hồ Thúc Liên (Quỳnh Đôi)... đều là học trò của cụ. 40 tuổi đậu Tiến sĩ. Ban đầu cụ giữ chức Biên tu tùng Hộ bộ thừa biển. Được một năm cụ về giữ chức Tri phủ Nghĩa Hưng. Nhậm chức xong về thăm nhà đang lúc tang mẹ, ở nhà chịu tang. Mãn tang được bổ làm Tri phủ Tương Dương, thăng Phó sứ Sơn Phòng bản tỉnh. Năm Tự Đức thứ 36 (1883) cụ mộ 90 người dân trên núi khai khẩn hơn 2070 mẫu, được thăng một cấp. Năm Kiến Phúc Giáp Thân, 1884, ngày 12 tháng 8, lâm bệnh sốt rét rừng nơi Lam Sơn chướng khí cụ qua đời lúc tại quan, thọ 47 tuổi. Truy tặng: Hàn lâm viện thị độc.							
36.	**Hồ Nguyên Trừng**	Hồ Nguyên Trừng (1374 – 1446) Hiệu: Nam Ông; còn gọi là Lê Trừng, quê ở Thanh Hóa, con trai cả Hồ Quý Ly, tả tướng quốc dưới triều Hồ, chỉ huy việc chế tạo súng thần cơ (hoả pháo cải tiến, hiệu nghiệm) và thuyền cổ lâu (thuyền chiến lớn có hai tầng). Năm 1407, bị quân Minh bắt trong cuộc chiến đấu ở cửa biển Kỳ La (Hà Tĩnh), đưa sang Kim Lăng (Trung Quốc). Có	Đ. Nhựa	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	410	7		Danh tướng thời Hồ

		tài nên được ân xá và giao trông coi xưởng đúc súng thần cơ, dần dần thăng đến chức tả thị lang Bộ Công trong triều Minh. Cuối đời, nhớ về Tổ quốc, Hồ Nguyên Trừng viết cuốn "Nam Ông mộng lục", gồm 31 thiên mục, nói về các sử thoại, danh nhân trong hai triều Lý, Trần, được lưu giữ và ấn hành năm 1442 ở Trung Quốc. Đối với vùng đất Cửa Lò, Nghi Lộc, tương truyền Hồ Nguyên Trừng được cha mình là Hồ Quý Ly trực tiếp giao nhiệm vụ giám sát và thành lập căn cứ thủy binh từ Cầu Cấm xuống vùng biển Cửa Lò, hiện nay còn nhiều dấu vết của căn cứ thủy binh này gần đền Vạn Lộc.							
37.	**Nguyễn Tuân**	**Nguyễn Tuân** là một nhà văn Việt Nam. Nguyễn Tuân sở trường về tùy bút và ký. Ông viết văn với một phong cách tài hoa uyên bác và được xem là bậc thầy trong việc sáng tạo và sử dụng Tiếng Việt. Nguyễn Tuân sinh ngày 10 tháng 7 năm 1910 ở phố Hàng Bạc, Hà Nội, quê ở thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục (tên nôm là làng Mọc), nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.[1]Ông trưởng	Nhựa	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Thánh Tông	420	7		Nhà văn

		thành trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn. Nguyễn Tuân học đến cuối bậc Thành chung Nam Định (tương đương với cấp Trung học cơ sở hiện nay, tiền thân của trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định ngày nay) thì bị đuổi vì tham gia một cuộc bãi khóa phản đối mấy giáo viên Pháp nói xấu người Việt (1929). Nguyễn Tuân cầm bút từ khoảng đầu những năm 1935, nhưng nổi tiếng từ năm 1938 với các tác phẩm tùy bút, bút ký có phong cách độc đáo như *Vang bóng một thời*, *Một chuyến đi*... Năm 1941, ông lại bị bắt giam một lần nữa và gặp gỡ, tiếp xúc với những người hoạt động chính trị. Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Tuân nhiệt tình tham gia cách mạng và kháng chiến, trở thành một cây bút tiêu biểu của nền văn học mới.Từ năm 1948 đến 1957, ông giữ chức Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam. Các tác phẩm chính sau cách mạng của Nguyễn Tuân là tập tùy bút *Sông Đà* (1960) là kết quả chuyến đi thực tế vùng Tây Bắc, một số tập ký chống							

		Mỹ (1965-1975) và nhiều bài tùy bút về cảnh sắc và hương vị đất nước. Ông chủ trương chủ nghĩa xê dịch không thích cuộc sống trầm lặng, bình ổn nên ông đi suốt chiều dài đất nước để tìm những điều mới mẻ,độc đáo. Nguyễn Tuân mất tại Hà Nội vào ngày 28 tháng 7 năm 1987. Năm 1996 ông được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).							
38.	**Thế Lữ**	Thế Lữ (sinh 10 tháng 6 năm 1907 – mất 3 tháng 6 năm 1989; tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ (có tài liệu khác ghi tên ông là Nguyễn Đình Lễ) là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu người Việt Nam. Thế Lữ nổi danh trên văn đàn vào những năm 1930, với những tác phẩm Thơ mới, đặc biệt là bài *Nhớ rừng*, cùng những tác phẩm văn xuôi, tiêu biểu là tập truyện *Vàng và máu* (1934). Trở thành thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn kể từ khi mới thành lập (1934), ông hầu hết hoạt động sáng tác văn chương trong thời gian là thành viên của nhóm, đồng thời cũng đảm nhận vai trò một nhà báo, nhà phê bình, biên	Nhựa	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	320	12	12	Nhà thơ

		tập viên mẫn cán của các tờ báo *Phong hóa* và *Ngày nay*. Từ năm 1937, hoạt động của Thế Lữ chủ yếu chuyển hướng sang biểu diễn kịch nói, trở thành diễn viên, đạo diễn, nhà viết kịch, trưởng các ban kịch *Tinh Hoa, Thế Lữ, Anh Vũ*, hoạt động cho đến sau Cách mạng tháng Tám. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, làm kịch kháng chiến trong những năm Chiến tranh Đông Dương. Sau Hiệp định Genève, ông tiếp tục hoạt động sân khấu, trở thành Chủ tịch đầu tiên của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (1957 – 1977). Ông được coi là một người tiên phong, không chỉ trong phong trào Thơ mới, trong lĩnh vực văn chương trinh thám, kinh dị, đường rừng, mà còn là người có đóng góp rất lớn trong việc chuyên nghiệp hóa nghệ thuật biểu diễn kị nói ở Việt Nam. Thế Lữ đã được Nhà nước Việt Nam trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân năm 1984 và Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt II năm 2000.							
39.	**Nguyễn Công Hoan**	Nguyễn Công Hoan (1903-1977) quê ở làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện	Đá cấp	Đường Bình	Đường Nguyễn	635	27	27	Nhà văn

		Văn Giang, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Ông sinh trong một gia đình quan lại xuất thân Nho học thất thế, từ nhỏ Nguyễn Công Hoan đã được nghe và thuộc rất nhiều câu thơ, câu đối và những giai thoại có tính chất trào lộng, châm biếm, đả kích tầng lớp quan lại. Điều đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong cách văn chương của ông sau này. Năm 1926, ông tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, làm nghề dạy học ở nhiều nơi (như Hải Dương, Lào Cai, Nam Định,...). Ông viết văn từ sớm, tác phẩm đầu tay *Kiếp hồng nhan* (viết năm 1920, được *Tản Đà thư điếm* xuất bản năm 1923) là một đóng góp cho nền văn xuôi Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Giám đốc kiểm duyệt báo chí Bắc Bộ, kiêm Giám đốc Sở Tuyên truyền Bắc Bộ. Sau đó ông gia nhập Vệ quốc quân, làm biên tập viên báo *Vệ quốc quân*, giám đốc trường Văn hóa quân nhân, chủ nhiệm và biên tập tờ *Quân nhân học báo*. Ông là đảng viên Đảng Lao	phối	Minh	Huệ				

		động Việt Nam từ năm 1948. Năm 1951 ông làm việc ở Trại tu thư của ngành giáo dục, biên soạn sách giáo khoa và sách *Sử Việt Nam hiện đại từ Pháp thuộc đến năm 1950* dùng cho lớp 7 hệ chín năm. Ông cũng viết bài cho báo *Giáo dục nhân dân*, cơ quan ngôn luận đầu tiên của Bộ Quốc gia giáo dục lúc bấy giờ. Từ sau năm 1954, ông trở lại nghề văn với cương vị Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam (khóa đầu tiên 1957-1958), Ủy viên Ban Thường vụ trong Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa sau đó. Ông cũng là Ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, chủ nhiệm tuần báo *Văn* (tiền thân của báo *Văn nghệ*). Nguyễn Công Hoan mất năm 1977 tại Hà Nội.							
40.	**Lưu Quang Vũ**	Lưu Quang Vũ (1948-1988). Quê ở xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nhưng quê gốc lại ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là con trai nhà viết kịch Lưu Quang Thuận và bà *Vũ Thị Khánh*, và tuổi thơ sống tại Phú Thọ cùng cha mẹ. Khi hoà bình	Đá cấp phối	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	325	27	27	Nhà thơ

		lập lại (1954) gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội. Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê trung du Bắc Bộ đó đã in dấu trong các sáng tác của ông sau này. Từ 1965 đến 1970 ông nhập ngũ, phục vụ trong Quân chủng Phòng không-Không quân. Đây là thời kỳ thơ Lưu Quang Vũ bắt đầu nở rộ. Từ 1970 đến 1978: xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để mưu sinh. Từ 1978 đến 1988: Lưu Quang Vũ làm biên tập viên *Tạp chí Sân khấu*, bắt đầu sáng tác kịch nói với vở kịch đầu tay *Sống mãi tuổi 17* viết lại theo kịch bản của *Vũ Duy Kỳ*. Giữa lúc tài năng đang vào độ chín, Lưu Quang Vũ qua đời trong một tai nạn ô tô trên quốc lộ số 5 tại Hải Dương, cùng với người bạn đời là nhà thơ Xuân Quỳnh và con trai Lưu Quỳnh Thơ.							
41.	**Trịnh Công Sơn**	Trịnh Công Sơn (1939 –2001)- Nhạc sỹ. Quê ở làng Minh Hương, tổng Vĩnh Tri, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Lúc nhỏ ông theo học các trường Lyceè Francais và Provindence ở Huế, sau vào Sài	Đá cấp phối	Đường Bình Minh	Đường Mai Thúc Loan	325	10	15	Nhạc sĩ

		Gòn theo học triết học trường Tây Lycée Jean Jacques Rousseau Sài Gòn. Ông được coi như một trong những nhạc sĩ lớn nhất của Tân nhạc Việt Nam với nhiều tác phẩm rất phổ biến, phần lớn là tình ca. Nhiều ca khúc của ông có thông điệp phản-chiến trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam. Ngoài ra, ông còn được xem là một nhà thơ, một họa sĩ không chuyên. Ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh lúc 12giờ45 ngày 1 tháng 4 năm 2001.							
42.	**Điện Biên Phủ**	Thành phố thuộc tỉnh Điện Biên.Chiến dịch Điện Biên Phủ: chiến dịch trong Chiến cục Đông Xuân 1953 -1954, tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Do các Đại đoàn bộ binh 308, 312,316, 304 (thiếu một trung đoàn) và Đại đoàn công binh - pháo binh 351 bộ đội Việt Nam tiến hành; đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Mục đích: tiêu diệt quân Phápchiếm đóng, giải phóng hoàn toàn Tây Bắc. Chiều 13/3/1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn,	Nhựa	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Đường Lý Nam Đế	520	30	30	Địa danh- sự kiện lịch sử

		diễn biến qua ba đợt. Chiều 7/5 ta tổng công kích vào trung tâm Mường Thanh, bắt sống tướng Christian de Castries và toàn ban tham mưu của địchở Điện Biên Phủ, sau đó truy kích và bắt gọn bộ phận địch ở Hồng Cúm. Đây là một thắng lợi lịch sử góp phần quyết định cho thành công của Hội nghị Genève về ĐôngDương 1954							
43.	**Hoàng Ngọc Phách**	Hoàng Ngọc Phách 1896 -1973), tên huý là Tước, ông còn có bút hiệu Song An, quê ở làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Xuất thân trong một gia đình có truyền thống hiếu học, yêu nước, cha ông từng tham gia phong trào Cần Vương. Thuở nhỏ, ông theo học chữ Hán rồi học trường Pháp Việt….. Ông là tác giả của tiểu thuyết *Tố Tâm*. Với tác phẩm này, ông là người mở đầu cho nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Nhiều ý kiến còn cho rằng Tố Tâm là cuốn tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam. Sau cách mạng tháng Tám đến năm 1959, ông giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục: Giám đốc học khu Bắc Ninh kiêm Hiệu trưởng	Nhựa	Đường Âu Cơ	445	12	12	Đường Âu Cơ	Nhà văn

		trường trung học Hàn Thuyên, Giám đốc giáo dục chiến khu 12, Liên khu 1, Giám đốc Cao đẳng sư phạm Trung ương, Thanh tra học vụ toàn quốc, Hiệu trưởng trường phổ thông Phan Đình Phùng, rồi về ban tu thư Bộ Giáo dục, tham gia nhóm nghiên cứu Lê Quý Đôn. Năm 1959 ông chuyển sang Viện văn học làm công tác nghiên cứu cho đến năm 1963 thì nghỉ hưu và mất năm 1973.							
44.	**Lê Phụng Hiểu**	Lê Phụng Hiểu (982? - 1059?). Quê quán: hương Băng Sơn, tổng Dương Sơn, huyện Cổ Đằng, lộ Thanh Hoá (nay thuộc xã Hoằng Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Hiện không rõ năm sinh năm mất. Ngay từ thuở nhỏ, ông rất yêu thích và ham mê các môn võ thuật như: đấu quyền, múa kiếm, ném đao. Ông nổi tiếng là người sức khỏe muôn địch, võ nghệ hơn người, là đô vật có tiếng. Ông là người có nhiều công lao với vương triều Lý, từng phụng sự ba triều vua đầu tiên của nhà Lý đó là vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông. Đặc biệt	Nhựa	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Đường Âu Cơ	445	12	12	Danh tướng thời Lý

		có công rất lớn trong việc phò vua Lý Thái Tông tức Lý Phật Mã lên ngôi.Tên tuổi và công trạng của ông không những được sử sách lưu danh, mà còn được dân gian truyền tụng. Nhiều làng xã ở xứ Kinh Bắc - Bắc Ninh, nơi ông từng lưu lạc thuở nhỏ và đóng quân đánh giặc, đã thờ ông làm Thành hoàng.							
45. 30	**Âu Cơ**	Mẫu Âu Cơ : Theo truyền thuyết, Âu Cơ là một tiên nữ, con gái một vị thần núi nào đó mà không phải là Đế Lai của Thần Nông Thị. Nàng đi khắp bốn phương để giúp đỡ và chữa trị cho những người đang lâm bệnh và gặp khó khăn. Nàng có lòng từ bi và có tài về y thuật. Một ngày nọ, một con quái vật làm nàng sợ hãi. Nàng liền biến thành một phượng hoàng mà bay đi. Lạc Long Quân, là thần rồng từ biển cả, thấy nàng đang gặp nguy hiểm liền cầm lấy cục đá và giết tên quái vật. Sau đó tình yêu đã nảy nở giữa hai người và họ cưới nhau. Âu Cơ sinh ra một bọc trứng có 100 người con. Một ngày nọ, Lạc Long Quân nói với nàng rằng vì hai người đến từ hai chủng tộc	Nhựa – đường cấp phối	Đường Lạc Long Quân	Đường Tố Hữu	485	30	30	Danh nhân truyền thuyết

		và môi trường rất khác nhau nên không thể chung sống với nhau trọn đời được. Họ bèn chia nhau mỗi người 50 đứa con, 50 theo mẹ, 50 theo bố. 50 người con theo mẹ đi đến ở Phong Châu, người anh cả trở thành vua Hùng Vương của nước Văn Lang.							
46.	**Lạc Long Quân**	**Lạc Long Quân** (Khoảng thiên niên kỷ thứ 3 TCN), là nhân vật huyềnthoại, được xem là vị thủy tổ của dân tộc Việt Nam. Sử sách chép ông như một người thực. Tên húy là Sùng Lãm, con trai của Kinh Dương Vương Lộc Tục, ông lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinhra trăm con trai là tổ của Bách Việt.Truyền thuyết kể Lạc Long Quân có nhiều kỳ tích vĩ đại. Ba cuộc chiến thắngcủa ông (chiến thắng Ngư Tinh, chiến thắng Hồ Tinh, chiến thắng Mộc Tinh) tiêubiểu cho sức sống mãnh liệt của dân tộc, chinh phục thiên nhiên, diệt trừ ma quái đểtạo nên đất nước, dân tộc này. Là nhân vật huyền thoại, Lạc Long Quân đã trở thành biểu tượng của văn hóa Việt Nam, tượng trưng cho truyền thống dân tộc, niềm tự hào của giống	Nhựa - Cấp phối	Đường Tản Viên (Ven Biển)	Lê Thánh Tông	855	30	30	Danh nhân trong truyền thuyết

		nòi và ý niệm về địa bàn của Tổ quốc							
47.	**Hoàng Đình Cầu**	Hoàng Đình Cầu (1917-2005). Quê ở xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông là người thông minh, học giỏi. Năm 1945, tốt Nghiệp Bác sĩ Y Khoa Đại Học Y Hà Nội. 11/1955-1960. Tổng Thư ký Hội Y Dược Học Việt Nam. 1971-1989. Thứ trưởng Bộ Y tế. 1985-1988. Hiệu Trưởng Trường ĐH Y Hà Nội. Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn - nay là bệnh viện Việt Đức Hà Nội. 1981-1984. Phó Chủ tịch Tổng Hội Y Dược Học Việt Nam. 1984-12/2000. Chủ tịch Tổng Hội Y Dược Học Việt Nam. 10/1999. Chủ tịch Hiệp Hội Y Học Các Nước Đông Nam Á. Chủ tịch Uỷ ban Quốc gia nghiên cứu về chất độc da cam. T01/2003-2005. Uỷ viên Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách Khoa Y Học. Hoàng Trọng Cầu là người luôn tận tụy, hết mình đóng góp cho khoa học, ông được ghi nhận là "Lão thần trụ cột của ngành Y học Việt Nam", được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý và bạn bè quốc tế nể trọng,	Nhựa	Đường Lê Thánh Tông	Trần Can	775	8		Nhà khoa học

		kính phục. Tên tuổi của Giáo sư còn được Trung tâm Tiểu sử quốc tế Cambridge (Vương quốc Anh) ghi vào Từ điển Tiểu sử quốc tế và Hội đồng xuất bản tiểu sử danh nhân Marquis (Hoa Kỳ) ghi vào tiểu sử danh nhân.							
48.	**Trần Can**	Trần Can (1931 – 1954) Quê ở xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam.Là một quân nhân của quân đội nhân dân Việt Nam.Khi tham gia trận Điện Biên Phủ, Trần Can là Đại đội phó bộ binh thuộc Trung đoàn 209, Đại đoàn 312. Trần Can được giao nhiệm vụ chỉ huy trong trận đánh đồi Him Lam mở đầu cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước những đợt phản kích của quân Pháp Trần Can đã anh dũng chỉ huy đơn vị chống trả và hy sinh vào sáng ngày 7/5/1954. Ông được tặng thưởng Huân chương Quân Công (hạng Nhì, hạng Ba), 2 Huân chương chiến công hạng nhất, 2 lần được bầu là chiến sĩ thi đua của đại đoàn và được truy tặng là Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.	Nhựa	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Thánh Tông	800	8		- AH LLVT
49.	**Hoa Cúc Biển**	Là tên gọi của một loài hoa cúc được Vua Bảo Đại mang từ Pháp về để trồng	Nhựa	Đường Phạm	Đường Lý Đạo	430	7	9	Danh từ

		tại Biển Cửa Lò (đảo Lan Châu), nơi Khu biệt thự mà Vua Bảo Đại và Nam Phương Hoàng Hậu từng nghỉ lại năm 1936. Loài hoa này phát triển rất mạnh ở Cửa Lò với đặc tính màu hoa đẹp, màu sắc rực rỡ, có mùi thơm, phù hợp với thổ nhưỡng nên hoa cuc Biển đã trở thành tên gọi quen thuộc và là biểu tượng của vùng đất Cửa Lò. Có truyền thuyết cho rằng loài hoa này gắn với huyền tích Lạc Long Quân và Âu Cơ.		Nguyễn Du	Thành				
50.	**Tiên Dung Công chúa**	Tiên Dung Công chúa- nàng công chúa trong văn học dân gian thời Hùng Vương, Con gái của Hùng Vương thứ XVIII, kết duyên với Chử Đồng Tử. Là biểu tượng cho tình yêu trong sáng, không phân biệt giai cấp, tầng lớp. Đền thờ Đức thánh Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa được nhân dân thờ phụng nhiều nơi trên địa bàn đồng bằng và Trung du Bắc bộ, chủ yếu là các làng ven sông Hồng.	Nhựa	Đường Lam Sơn	Đường Chử Đồng Tử	1280	7		Danh nhân truyền thuyết
51.	**Nguyễn Bính**	**Nguyễn Bính (1918 – 1966)** (Tên khác: Nguyễn Trọng Bính, Nguyễn Bính Thuyết). Quê: xã Thiệu Vinh,huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Năm 1937, tập "Tâm hồn tôi" được	Nhựa	Đường Lý Đạo Thành	Đường Lê Chân	930	7		Nhà thơ

		giải thưởng khuyến khích của Tự lực Vănđoàn. Từ đó, ông liên tục làm thơ đăng trên nhiều báo, và xuất bản thành tập, cũng viết truyện thơ, kịch thơ, chèo. Năm 1943, đi vào phía nam và đầu 1947 tham gia Kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Sau phụ trách Hội Văn hoá Cứu quốc, phó chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Rạch Giá, công tác ở cơ quan văn nghệ Khu VIII. Năm 1954, tập kết ra Bắc, công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1958, về Nam Định, công tác ở Ti Văn hoá Thông tin. Tác phẩm chính: "Lỡ bước sang ngang" (1940), "Tâm hồn tôi" (1940),"Hương cố nhân" (1941), "Một nghìn cửa sổ" (1941), "Người con gái ở lầu hoa"(1942), "Mười hai bến nước" (1942), "Ông lão mài gươm" (1947), "Đồng Tháp Mười" (1955), "Trả ta về" (1955), "Gửi người vợ Miền Nam" (1955), "Nước giếng khơi" (tập thơ chọn, 1957), "Tiếng trống đêm xuân" (truyện thơ, 1958), "Đêm sao sáng" (1962), "Người lái đò sông Vị"							

		(chèo, 1964)... Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Thơ Nguyễn Bính mộc mạc, đậm hồn cốt dân tộc, thành công với thể loại lụcbát được mệnh danh là nhà thơ chân quê của Việt Nam.							
52.	**Lê Chân**	Lê Chân (? - 43), nữ tướng của Hai Bà Trưng. Tương truyền quê làng An Biên, huyện Đông Triều (Quảng Ninh). Lớn lên xinh đẹp, giỏi võ. Thái thú nhà Hán là Tô Định hãm hại mẹ cha, bà phải bỏ quê ra vùng biển khai phá. Vùng đất mới ngày càng trù phú cũng lấy tên là An Biên (Lê Chân, Hải Phòng). Năm 40, cùng dân làng gia nhập quân khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và được phong là Thánh Chân công chúa. Năm 43, Mã Viện đưa quân sang xâm lược. Quân Hai Bà Trưng chống cự không nổi, Lê Chân tự sát theo Hai Bà Trưng.Trong dân gian có nhiều lễ hội diễn xướng nhằm tưởng nhớ bà vào ngày 8/2 al và 25.12 al hằng năm.		Đường Minh Mạng	Đường Hai Bà Trưng	1690	7	9	Danh tướng

	Bà Huyện Thanh Quan	Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848) tên thật là Nguyễn Thị Hinh là người phường Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận, gần Hồ Tây (nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội. Cha bà là Nguyễn Lý (1755-1837), đỗ thủ khoa năm 1783, đời vua Lê Hiển Tông. Bà là học trò của danh sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825), và là vợ của Lưu Nghị(1804-1847), hiệu là Ái Lan, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Bà đỗ cử nhân năm 1821(Minh Mạng thứ 2), từng làm tri huyện Thanh Quan (nay là một phần huyện Đông Hưng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, nên người ta thường gọi bà là *Bà Huyện Thanh Quan*. Sau đó, bà bị giáng chức rồi lại được bổ chức Bát phẩm Thư lại bộ Hình. Dưới thời vua Minh Mạng, bà được mời vào kinh giữ chức Cung Trung Giáo Tập để dạy học cho các công chúa và cung phi. Sau khi chồng mất, bà lấy cớ sức yếu xin thôi việc, rồi dẫn bốn con về lại Nghi Tàm và ở vậy cho đến hết đời. Mộ bà được đặt bên bờ Hồ Tây (Hà Nội), nhưng sau này sóng gió đã làm sạt lở không còn tăm tích.	Nhựa	Đường Hoàng Văn Cư	Đường Hai Bà Trưng	1520	7	36	Nhà thơ

54.	**Phạm Thị Ngọc Dung** 3 1	Phạm Thị Ngọc Dung (?-?). Theo thần phả đền thờ Vương Mẫu tại xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc cho biết: Bà Phạm Thị Ngọc Dung người làng Đức Hậu, nay là xã Nghi Đức thành phố Vinh, từng được vua Trần Nghệ Tông mời làm Nhũ mẫu cho con trai là Trần Nghệ Tông. Sau này Trần Nghệ Tông lên ngôi đổi tên là Trần Duệ Tông (1373-1377). Vào cuối triều Trần do tình hình triều chính rối ren bà xin về quê sinh sống và được nhà vua trả công ơn và cấp bổng lộc để an dưỡng tuổi già. Về quê hương, chứng kiến hoàn cảnh khó khăn vất vả của người dân tại quê nhà, bà cùng nhân dân đã tổ chức khai hoang để lấy đất sản xuất. Tương truyền, bà đã lựa chọn những người đàn ông lực lưỡng trong làng của 6 họ (gọi là lục tộc) gồm: Vương, Uông, Dương, Hoàng, Chu, Đậu cùng đi khai cơ lập làng và sau này 6 họ này trở thành trụ cột của các làng mà bà khai phá. Theo thần phả bà đã khai phá được hơn 700 mẫu đất kéo dài dọc theo Sông Lam từ Yên Lưu (Hưng Hòa) qua Kiều Thái, Hải Côn (Nghi Thái) đến Cổ Đan (Phúc Thọ), xuống	Nhựa	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	750	7	12	Thần khai canh khai cơ

		Lộc Châu, Lộc Hải (Nghi Hòa, Nghi Xuân, Nghi Hải), hiện nay ở những xã, phường này còn lưu lại các dấu tích mà bà đã khai phá, đặt tên như: làng Lậm (Hưng Hòa) nơi đặt kho thóc của bà Vương Mẫu; Chợ Trụ, Chợ trại, cầu Đồng Cùng, Bàu Trổ, đồng Vợi, đồng Mực, đồng Toàn,.. Để tưởng nhớ công lao của bà nhân dân đã lập đền thờ bà gọi là đền Vương Mẫu ở làng Hoàn Cam, xã Nghi Thái và một số họ đổi thành họ Vương để nhớ ơn công lao của Bà gọi là " Tứ tính Vương Thị".							
55.	**Hòn Mắt**	Đảo Mắt là tên một đại danh thuộc thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, cách đất liền 24km. Với độ cao 218 m so với mực nước biển, diện tích tự nhiên 2,2km2, đảo Mắt có vị trí hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, quốc phòng - an ninh của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ. Đảo Mắt gồm hai hòn đảo lớn, nhỏ nối với nhau, từ đất liền nhìn ra cân như cặp mắt, nên dân gian gọi là đảo Mắt. Và đúng như tên gọi, đảo	Nhựa	Đường Phạm Nguyễn Du	Đ. Phạm Thị Ngọc Dung	690	7	12	Địa danh

		Mắt là mắt biển, nơi canh giữ biển trời, nơi bảo vệ ngư dân trên biển Sách *Nghệ An ký* của Hoàng Giáp Bùi Dương Lịch (thời cuối Lê đầu Nguyễn) đã viết: "Đó là một hòn đảo nhỏ, án ngữ một vùng của biển Đan Nhai, trông vào đất liền, canh giữ kẻ xâm lăng dòm ngó". Theo các nhà quân sự thì đảo Mắt với vị trí, độ cao chiến lược, chính là "con mắt" gìn giữ bình yên suốt cả vùng duyên hải Bắc Trung bộ. Cách đây 53 năm, ngày 31/3/1963, Đại đội 32 của Sư đoàn 324 đã có mặt tại đảo Mắt để bảo vệ vùng biển, vùng trời của Tổ quốc. Trên đảo hiện có nhà bia tưởng niệm các chiến sĩ đã hy sinh giữ đảo và bảng ghi truyền thống về một thời oanh liệt của Đại đội 32: đã đánh 297 lượt máy bay, 64 trận với tàu chiến, bắn cháy 10 khu trục hạm, 2 tàu dương hạm, 1 tàu biệt kích, đánh giải vây cho 3.210 lượt thuyền, cứu vớt 172 người bị nạn... Năm 1973, đảo vinh dự được Đảng, Nhà nước							

		phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.							
56.	**Lam Giang**	Sông Lam bắt nguồn trên lãnh thổ nước bạn Lào, chảy qua nội địa nước ta với chiều dài hơn 360 km. Vào Việt Nam, hai dòng Nậm Nơn và Nậm Mộ gặp nhau ở ngã ba Cửa Rào thuộc xã Xá Lượng (Tương Dương) để khai sinh nên sông Cả (tên gọi khác của sông Lam) và kết thúc tại Cửa Hội – nơi dòng Lam đổ ra biển Đông rộng lớn. Qua hàng nghìn năm, dòng Lam là huyết mạch của xứ Nghệ, góp phần hình thành, vun đắp truyền thống lịch sử và văn hóa vùng quê giàu bản sắc. Vì thế, nó gắn liền với số phận và từng bước đi thăng trầm của quê hương xứ Nghệ suốt dòng chảy thời gian. Mỗi khúc sông, bến nước đều chứa đựng một câu chuyện lịch sử và số phận của một làng quê và đã được nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ sáng tác nhạc. Người Nghệ An gọi sông Lam với	Nhựa	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	710	9	12	Danh từ

		tên gọi thân quen là Lam Giang (có nghĩa là dòng sông xanh)							
57.	**Lộc Châu**	Lộc Châu – Có từ thời Lê Trung Hưng (1533- 1778) nay thuộc xã Nghi Hải, đây là địa danh quen thuộc với người dân từ xưa cho đến nay	Nhựa	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	525	7	12	Địa danh
58.	**Lộc Hải**	. Lộc Châu – Có từ thời Lê Trung Hưng (1533- 1778) nay thuộc xã Nghi Hải, trải qua nhiều lần thay đổi tên làng, song tên Lộc Châu vẫn tồn tại trong tại trong tâm thức người dân.	Nhựa	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	455	7	12	Địa danh
59.	**Nguyễn Trọng Khang**	Quê quán, thôn Lan Đình, xã Nghi Thạch huyện Nghi Lộc, ông sinh vào cuối thời Lê trung Hưng. Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Trọng " ông Nguyễn Trọng Khang làm quan triều Lê Trung Hưng được triều đình cử đi trấn giữ vùng đất Cửa Hội, Cửa Lò để lập căn cứ đánh đuổi quân chúa Nguyễn ở Đàng Trong, ông là một trong những người có công khai canh, khai cơ vùng đất Lan Đình, sau đổi thành Xuân Đình, sau khi ông mất nhân dân đã lập đền thờ phụng tôn làm thành hoàng của làng Xuân Đình.	Nhựa	Đường Cửa Hội	Đường Lam Giang	390	10	15	Thần khai canh khai cơ

		Các triều đại phong kiến đều có sắc phong ông là tôn thần.							
60.	**Hải Giang**	Tên làng nghề làm nước mắm truyền thống có từ lâu đời của vùng đất Nghi Hải và đã trở thành một thương hiệu nội tiếng.	Nhựa	Đường Phạm Nguyễn Du	Đường Cửa Hội	430	12	12	Đại danh
61.	**Song Lộc**	Làng Song Lộc là tên cũ của xã Nghi Hòa, Nghi Hải trước năm 1945, gắn với quá trình hình thành và phát triển của vund đất Nghi Hòa, Nghi Hải Song Lộc cũng là một trong những chi bộ đầu tiên được thành lập sau khi Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Nghi Lộc ra đời do đồng chí Nguyễn Đức Bình làm bí thư		Đường Phạm Nguyễn Du	Đ. Chử Đồng Tử	830	7		Địa danh

Tổng số tuyến đường đặt tên: 61 đường (53danh nhân, 06 tên đường địa danh, 03 tên đường sự kiện lịch sử)

CHỦ TỊCH HĐTV
GIÁM ĐỐC SỞ VHTT

Trần Thị Mỹ Hạnh